BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

BÁO CÁO TỔNG KẾT

CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG TỚI VIỆC CHỌN NGHỀ NGHIỆP CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Mã số đề tài: 26

Thuộc nhóm ngành khoa học: Khoa học Xã hội

Lâm Đồng, tháng 5 năm 2022

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

BÁO CÁO TỔNG KẾT

CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG TỚI VIỆC CHỌN NGHỀ NGHIỆP CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Mã số đề tài: 26

Thuộc nhóm ngành khoa học: Khoa học Xã hội.

Sinh viên thực hiện: Mai Quang Khuê Nam, Nữ: Nam
Dân tộc: Kinh
Lớp, khoa: CPK42, Khoa XHH và CTXH Năm thứ: 4/Số năm đào tạo: 4
Ngành học: Công tác xã hội

Chủ nhiệm đề tài: Mai Quang Khuê

Thành viên thực hiện: Hà Quang Vũ

Người hướng dẫn: ThS. Trần Thị Minh Phương

Lâm Đồng, tháng 5 năm 2022

MỤC LỤC

MỤC LỤC ..... **i**
DANH MỤC BẢNG BIỂU ..... **ii**
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT ..... **iii**
MỞ ĐẦU **1**
1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI **1**
2. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU **2**
2.1. Mục tiêu **2**
2.1.1. Mục tiêu chung *2*
2.1.2. Mục tiêu cụ thể *3*
3. ĐỐI TƯỢNG, KHÁCH THỂ, PHẠM VI NGHIÊN CỨU: **3**
3.1. Đối tượng nghiên cứu **3**
3.2. Khách thể nghiên cứu **3**
3.3. Phạm vi nghiên cứu **3**
4. Ý NGHĨA NGHIÊN CỨU **3**
4.1. Ý nghĩa lý luận **3**
4.2. Ý nghĩa thực tiễn **4**
5. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU **4**
5.1. Phương pháp nghiên cứu dữ liệu thứ cấp **4**
5.2. Phương pháp điều tra, khảo sát bằng bảng hỏi **5**
5.3. Phướng pháp chọn mẫu: **5**
5.4. Phương pháp phỏng vấn sâu **6**
5.5. Phương pháp thống kê toán học **6**
5.6. Phương pháp xử lý, phân tích số liệu **6**
6. GIẢ THUYẾT NGHIÊN CỨU **6**
7. Cấu trúc đề tài: **7**
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI **8**
1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu **8**
1.1.1. Các nghiên cứu về công tác hướng nghiệp *8*
1.1.2. Các nghiên cứu về các yếu tố tác động đến việc lựa chọn nghề nghiệp của HS THPT *10*
1.2. Các khái niệm liên quan **12**
1.3. Các lý thuyết ứng dụng **13**
1.3.1. Thuyết hệ thống *13*

1.3.2. Mô hình tổng quát của việc lựa chọn trường đại học của các HS - D.W. Chapman.....14

1.3.3. Thuyết chọn nghề John Holland.....15

1.3.4. Mô hình các bước tiến hành để ra một quyết định phức tạp.....17

1.3.5. DISC Profile của William Moulton Marston 17

2. KHUNG PHÂN TÍCH.....18

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP HS THPT HIỆN NAY VÀ NHỮNG KHÓ KHĂN CỦA HS THPT TRONG QUÁ TRÌNH LỰA CHỌN NGHỀ NGHIỆP.....20

2.1. Tổng quan về địa bàn nghiên cứu 20

2.2. Tổng quan về khách thể nghiên cứu 20

2.3. Tình hình hướng nghiệp tại Lâm Đồng.....22

2.4. Nhận thức của HS THPT về nghề nghiệp 24

2.5. Những khó khăn của HS THPT trong quá trình lựa chọn nghề nghiệp..27

CHƯƠNG 3: CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC CHỌN NGHỀ NGHIỆP CỦA HS THPT 31

3.1. Phân tích và đánh giá thang đo.....31

3.1.1. Hệ số tin cậy Cronbach's Alpha.....31

3.1.2. Phân tích nhân tố khám phá EFA (Exploratory Factor Analysis).....36

3.1.3. Hồi quy tuyến tính 43

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....49

4. KẾT LUẬN.....49

5. KIẾN NGHỊ.....50

5.1. Đối với các em HS THPT.....50

5.2. Đối với những người làm công tác truyền thông hướng nghiệp 50

5.3. Đối với những cá nhân, tổ chức, đơn vị CTXH trong Học đường.....51

TÀI LIỆU THAM KHẢO.....52

PHỤ LỤC:.....54

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Danh mục bảng

Bảng 1. Các trường tham gia khảo sát 21
Bảng 2. Số lớp tham gia vào khảo sát 21
Bảng 3. Kết quả thực hiện đề án 522 giai đoạn 2018-2020 23
Bảng 4. Thời gian đưa ra những dự định của HS THPT 25
Bảng 5. Mức độ quan tâm của HS THPT về nghề nghiệp trong tương lai 26
Bảng 6. Mức độ khó khăn trong quá trình lựa chọn nghề nghiệp của HS 27
Bảng 7. Kết quả phân tích Cronbach's Alpha các biến độc lập 32
Bảng 8. Kết quả phân tích nhân tố lần 1 38
Bảng 9. Ma trận xoay nhân tố 38
Bảng 10. Kết quả phân tích nhân tố lần cuối cùng 39
Bảng 11. Ma trận xoay nhân tố 40
Bảng 12. Bảng tóm tắt các hệ số khi sử dụng phân tích nhân tố 41
Bảng 13. Bảng 8 nhân tố sau khi thực hiện phân tích EFA 41
Bảng 14. Bảng phân tích phương sai ANOVA 43
Bảng 15. Bảng trị số R 43
Bảng 16. Kết quả hồi quy đa biến 44

Danh mục biểu đồ và hình

Hình 1. Mô hình các yếu tố ảnh hưởng chọn trường đại học của học sinh – (D.W. Chapman 15
Hình 2. Mô hình chọn nghề của John Holland 17
Hình 3. Mô hình các bước tiến hành để ra một quyết định phức tạp (Kotler và Fox)..17
Hình 4. Mô hình tính cách DISC - William Moulton Marston 18
Hình 5. Khung phân tích - mô hình nghiên cứu của đề tài 19
Biểu đồ 1. Biểu đồ cơ cấu giới tính của HS tham gia khảo sát 22
Biểu đồ 2. Biểu đồ dự định của HS THPT sau khi tốt nghiệp 25
Biểu đồ 3. Những khó khăn trong quá trình lựa chọn nghề nghiệp của HS 28
Biểu đồ 4. Biểu đồ phần dư chuẩn hóa P-P Plot 45
Biểu đồ 5. Biểu đồ tần số của phần dư chuẩn hóa 46
Biểu đồ 6. Biểu đồ phân tán phần dư và giá trị dự đoán của mô hình hồi quy 46

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Từ đầy đủ
1	CLB	Câu lạc bộ
2	CTXH	Công tác xã hội
3	ĐH	Đại học
4	ĐHNN	Định hướng nghề nghiệp
5	GD & ĐT	Giáo dục và Đào tạo
6	GDHN	Giáo dục hướng nghiệp
7	HS	Học sinh
8	HS THPT	HS Trung học phổ thông
9	LĐTBXH	Lao động – Thương binh và Xã hội
10	SV	Sinh viên
11	THCS	Trung học cơ sở
12	THPT	Trung học phổ thông

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI

1. Thông tin chung:

- Tên đề tài: **Các yếu tố tác động tới việc chọn nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông.**

- Sinh viên thực hiện: Mai Quang Khuê.

- Lớp: CPK42 Khoa: XHH & CTXH Năm thứ: 04 Số năm đào tạo: 04

- Người hướng dẫn: ThS. Trần Thị Minh Phương

2. Mục tiêu đề tài:

Đề tài nghiên cứu nhằm tìm hiểu và phân tích các yếu tố tác động tới việc chọn nghề nghiệp của HS THPT hiện nay, để góp phần trợ giúp các em tận dụng mọi khả năng và cơ hội cùng với việc giải quyết những khó khăn trong quá trình lựa chọn ngành nghề.

3. Tính mới và sáng tạo:

Đề tài nghiên cứu dựa trên các lĩnh vực và các đề tài nghiên cứu đi trước có liên quan, sau đó nhóm tổng hợp, phân tích và rút kết những kinh nghiệm cần có để xây dựng mô hình nghiên cứu sao cho phù hợp hơn. Hơn nữa, nghiên cứu dựa trên quan điểm của CTXH và thuyết hệ thống nhằm có cái nhìn tổng thể, đầy đủ và khách quan hơn về các yếu tố tác động đến HS trong quá trình các em lựa chọn nghề nghiệp. Thực tế vẫn chưa có nghiên cứu nào trên địa bàn và thậm chí trên cả nước áp dụng theo thuyết hệ thống và dựa trên quan điểm của chuyên ngành CTXH – Đặc biệt là CTXH trong học đường.

4. Kết quả nghiên cứu:

Đề tài đã tổng quan tình hình nghiên cứu qua các công trình nghiên cứu đi trước, chỉ ra được những ưu điểm và hạn chế của các nghiên cứu. Đề tài đã khái quát tình hình công tác hướng nghiệp tại các trường THPT trên địa bàn, đánh giá mức độ hiệu quả của công tác hướng nghiệp, cùng với đó đề tài đã tổng quan về nhận thức của các em HS THPT về nghề nghiệp và về vấn đề lựa chọn nghề nghiệp của các em.

Nhóm cũng phân tích làm rõ được những yếu tố đã tác động đến HS THPT, 37 yếu tố được phân thành 8 nhóm nhân tố dựa trên hệ thống vi mô, trung mô và vĩ mô, và có 8 nhóm nhân tố có ý nghĩa thống kê, trong đó có 2 nhóm nhân tố nổi bật nhất, có tác động mạnh mẽ đến các em HS trong quá trình các em lựa chọn nghề nghiệp đó là nhóm nhân tố "sở thích" và nhóm nhân tố "truyền thông". Ngoài ra đề tài còn phân tích những khó khăn của các em trong quá trình các em lựa chọn nghề nghiệp, những khó khăn còn vướng mắc cũng là những thông tin quan trọng để có thể tìm ra những giải pháp tốt nhất.

Cuối cùng, từ tất cả những phân tích và so sánh, nhóm đã đúc kết lại và đề xuất những khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng công tác hướng nghiệp và CTXH trong học đường.

5. Đóng góp về mặt kinh tế - xã hội, giáo dục và đào tạo, an ninh, quốc phòng và khả năng áp dụng của đề tài:
Sản phẩm nghiên cứu là một trong những tài liệu hữu ích cho các sinh viên, các nhà nghiên cứu cùng quan tâm đến lĩnh vực này. Nghiên cứu còn là một tài liệu hữu ích cho những cá nhân, tổ chức, cơ quan chuyên về giáo dục hướng nghiệp, CTXH trong học đường và các bên có liên quan sử dụng và tham khảo để có thể thực hiện công tác hướng nghiệp hiệu quả hơn, đặc biệt đối với các trường THPT trên địa bàn thành phố Đà Lạt.

6. Công bố khoa học của sinh viên từ kết quả nghiên cứu của đề tài *(ghi rõ tên tạp chí nếu có)* hoặc nhận xét, đánh giá của cơ sở đã áp dụng các kết quả nghiên cứu *(nếu có)*:

Ngày 12 tháng 05 năm 2022
Sinh viên chịu trách nhiệm chính thực hiện đề tài
(ký, họ và tên)

Mai Quang Khuê

Nhận xét của người hướng dẫn về những đóng góp khoa học của sinh viên thực hiện đề tài *(phần này do người hướng dẫn ghi):*

Nhóm nghiên cứu đã rất nỗ lực, trách nhiệm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nghiên cứu. Nhóm nghiên cứu sử dụng phương pháp thu thập và xử lý phù hợp, kết quả nghiên cứu là tài liệu tham khảo chất lượng cho cán bộ, sinh viên trong và ngoài khoa cũng như những người quan tâm đến lĩnh vực này.

Ngày 12 tháng 05 năm 2022
Xác nhận của trường đại học
(ký tên và đóng dấu)

Người hướng dẫn
(ký, họ và tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

THÔNG TIN VỀ SINH VIÊN CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

I. SƠ LƯỢC VỀ SINH VIÊN:

Ảnh 4x6

Họ và tên: Mai Quang Khuê.

Sinh ngày: 07 tháng 01 năm 2000.

Nơi sinh: Nam Định.

Lớp: CPK42. Khóa: 42.

Khoa: Xã hội học và Công tác xã hội.

Địa chỉ liên hệ: 173 Cổ Loa, Phường 2, Tp. Đà Lạt, T. Lâm Đồng.

Điện thoại: 0969693342 Email: 1813082@dlu.edu.vn

II. QUÁ TRÌNH HỌC TẬP:

*** Năm thứ 1:**

Ngành học: Công tác xã hội Khoa: XHH & CTXH
Kết quả xếp loại học tập: Khá
Sơ lược thành tích: HKI: 3,21; HKII: 2,86.

*** Năm thứ 2:**

Ngành học: Công tác xã hội Khoa: XHH & CTXH
Kết quả xếp loại học tập: Khá
Sơ lược thành tích: HKI: 3,00; HKII: 2,80.

*** Năm thứ 3:**

Ngành học: Công tác xã hội Khoa: XHH & CTXH
Kết quả xếp loại học tập: Xuất sắc.
Sơ lược thành tích: HKI: 3,65; HKII: 3,81; HKIII: 4,00.

*** Năm thứ 4:**

Ngành học: Công tác xã hội Khoa: XHH & CTXH
Kết quả xếp loại học tập: Xuất sắc.
Sơ lược thành tích: HKI: 4,00; HKII: 3,75.

Ngày 12 tháng 05 năm 2022

Xác nhận của trường đại học
(ký tên và đóng dấu)

Sinh viên chịu trách nhiệm chính thực hiện đề tài
(ký, họ và tên)

Mai Quang Khuê

MỞ ĐẦU

1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Có được nghề nghiệp vô cùng quan trọng đối với cuộc sống của mỗi người và xã hội, vì vậy vấn đề về nghề nghiệp luôn là mối quan tâm đặc biệt đối với một quốc gia. Tại Việt Nam đã có rất nhiều chính sách và các chương trình khác nhau nhằm giảm thiểu vấn đề thất nghiệp, đặc biệt là công tác hướng nghiệp dành cho đối tượng là Học sinh trung học phổ thông (HS THPT).

Để tăng cường công tác hướng nghiệp cho HS THPT, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 phê duyệt Đề án "*Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng HS trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025*" (Thủ tướng Chính phủ, ngày 14 tháng 5 năm 2018). Bộ Giáo dục và Đào Tạo (GD & ĐT) đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện 07 nhóm nhiệm vụ, giải pháp của Đề án nhằm tạo bước đột phá về chất lượng giáo dục hướng nghiệp, góp phần chuyển biến mạnh mẽ công tác phân luồng Học sinh (HS) sau Trung học cơ sở (THCS) và Trung học phổ thông (THPT). Thậm chí trong buổi tối ngày 23/11/2020, tại thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (LĐTBXH) đã tổ chức khai mạc Ngày hội khởi nghiệp quốc gia HS, sinh viên (SV) Giáo dục nghề nghiệp năm 2020 và phát động cuộc thi "*Ý tưởng khởi nghiệp học sinh, sinh viên Giáo dục nghề nghiệp 2020 – Startup Kite*" nhằm thúc đẩy những ý tưởng sáng tạo trong khởi nghiệp của HS SV và hướng tới giáo dục nghề nghiệp cho HS SV, nhờ đó mà hàng loạt các sáng kiến về công tác hướng nghiệp cho HS – SV được áp dụng. Không những thế, các trường đại học, các toà soạn báo cùng với các trung tâm, các Sở/ Phòng/ Bộ GD & ĐT không ngừng tổ chức các hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho các HS bằng nhiều hình thức khác nhau, đặc biệt là trong các "Ngày hội Tư vấn tuyển sinh hướng nghiệp", và các sĩ tử chuẩn bị thi THPT Quốc Gia được ưu tiên hơn hết.

Mặc dù có rất nhiều chính sách và các chương trình đặc biệt, tuy nhiên trong "Bản tin Cập nhật thị trường lao động Việt Nam số 29" Quy mô thất nghiệp trong độ tuổi lao động chia theo trình độ chuyên môn kỹ thuật có số liệu như sau: Sơ cấp nghề là 67,9 (nghình người); Trung cấp là 103,8 (nghìn người); Cao đẳng là 126,7 (ngìn người); Đại học trở lên là 291,6 (nghìn người) (Tổng Cục Thống kê, quý 1 năm 2021). Đối với tỉnh Lâm Đồng, theo dữ liệu từ Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng thì Quy mô và

tỷ lệ người thiếu việc làm và thất nghiệp: Dự ước tại thời điểm 31/12/2021 toàn tỉnh Lâm Đồng có 17.851 người thiếu việc làm (tỷ lệ là 2,26%), trong đó khu vực nông thôn có 4.325 người (tỷ lệ là 0,87%), khu vực thành thị là 13.526 người thiếu việc làm (tỷ lệ là 4,65%). Tỷ lệ thất nghiệp tại thời điểm 31/12/2021 là 1,51%, tương đương với 11.926 người thất nghiệp, trong đó tỷ lệ thất nghiệp thành thị là 3,59%, tương đương với 10.428 người; khu vực nông thôn có 1.498 người, chiếm tỷ lệ 0,3% (Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng, 2021).

Giai đoạn học tại THPT - là giai đoạn quan trọng nhất trong việc lựa chọn nghề nghiệp, chọn một ngành nghề cho tương lai vô cùng quan trọng, nhưng các em gặp rất nhiều khó khăn trong việc lựa chọn sao cho đúng với mong muốn của các em và đáp ứng được nhu cầu xã hội cần. Mặc dù đã có rất nhiều chương trình và chính sách hướng nghiệp của nhà nước, tuy nhiên vì có nhiều yếu tố chủ quan và khách quan khác nhau đã tác động đến các em HS THPT trong việc lựa chọn nghề nghiệp của mình.

Việc lựa chọn nghề nghiệp cho bản thân vô cùng quan trọng, thực tế cho thấy HS THPT thường bị mất phương hướng, không chọn được nghề nghiệp phù hợp cho bản thân vì có rất nhiều yếu tố khác nhau tác động đến các em, các em không hình dung được rõ ràng nghề nghiệp của mình sau này sẽ như thế nào, vì vậy các em thường chọn theo cảm tính của mình chứ không đúng với nhu cầu của xã hội và năng lực của bản thân. Hơn hết, cho tới thời điểm hiện tại trên địa bàn thành phố Đà Lạt chưa có nghiên cứu nào liên quan tới lĩnh vực này, chính vì thế nhóm chúng tôi quyết định chọn nghiên cứu đề tài "***Các yếu tố tác động tới việc chọn nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông***" nhằm góp phần tìm ra những giải pháp để giúp các em định hướng rõ ràng hơn, chính xác hơn trong việc lựa chọn nghề nghiệp, cùng với đó, nghiên cứu còn hướng tới việc góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác hướng nghiệp cho HS THPT.

2. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

2.1. Mục tiêu

2.1.1. Mục tiêu chung

Đề tài nghiên cứu nhằm tìm hiểu và phân tích các yếu tố tác động tới việc chọn nghề nghiệp của HS THPT hiện nay, để góp phần trợ giúp các em tận dụng mọi khả

năng và cơ hội cùng với việc giải quyết những khó khăn trong quá trình lựa chọn nghề nghiệp.

2.1.2. Mục tiêu cụ thể

- Tìm hiểu tình trạng định hướng nghề nghiệp của HS THPT tại thành phố Đà Lạt và tỉnh Lâm Đồng hiện nay.
- Tìm hiểu những khó khăn trong khi các em HS THPT chọn nghề nghiệp.
- Đánh giá và phân tích những yếu tố tác động đến việc chọn nghề nghiệp của HS THPT.
- Đề xuất những giải pháp hữu hiệu nhằm giúp công tác hướng nghiệp và giúp các em HS THPT lựa chọn nghề nghiệp được đạt hiệu quả cao.

3. ĐỐI TƯỢNG, KHÁCH THỂ, PHẠM VI NGHIÊN CỨU:

3.1. Đối tượng nghiên cứu

- Các yếu tố tác động tới việc chọn nghề nghiệp của HS THPT.

3.2. Khách thể nghiên cứu

- Học sinh tại trường THPT Chuyên Thăng Long.
- Học sinh tại trường THPT Bùi Thị Xuân.
- Học sinh tại trường THPT Trần Phú.
- Học sinh tại trường THPT Hermann Gmeiner.

3.3. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi thời gian: Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 7/2021 đến tháng 4/2022.
- Phạm vi không gian: Trường THPT Chuyên Thăng Long, trường THPT Bùi Thị Xuân, trường THPT Trần Phú, trường THPT Hermann Gmeiner.
- Phạm vi nội dung: Nghiên cứu nhóm thực hiện tiến hành khảo sát các yếu tố trong hệ thống vi mô, trung mô và vĩ mô tác động đến việc lựa chọn nghề nghiệp của HS THPT.

4. Ý NGHĨA NGHIÊN CỨU

4.1. Ý nghĩa lý luận

Về mặt lý luận, đề tài nghiên cứu "***Các yếu tố tác động tới việc chọn nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông***" dựa trên những quan điểm, lý thuyết liên quan tới

ĐHNN, giáo dục nghề nghiệp, tham vấn nghề nghiệp để thực hiện giúp làm rõ ràng hơn những quan điểm, lý thuyết về việc hướng nghiệp cho HS THPT, về tài nghiên cứu đề xuất những giải pháp cho công tác hướng nghiệp dành cho HS THPT. Ngoài ra, đề tài còn góp phần vào việc bổ sung và làm sáng tỏ hệ thống các quan điểm, lý thuyết và sẽ là những dữ liệu cần thiết cho những nghiên cứu có liên quan tới đề tài.

4.2. Ý nghĩa thực tiễn

Về ý nghĩa thực tiễn, nhận thấy được tính cấp thiết của vấn đề chọn sai ngành nghề của HS THPT, đề tài nghiên cứu "***Các yếu tố tác động tới việc chọn nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông***" xác định những yếu tố mà có thể tác động tới xu hướng chọn ngành nghề của HS THPT và phân tích những yếu tố đó đã tác động như thế nào. Kết quả của cuộc nghiên cứu góp phần làm sáng tỏ vấn đề, đồng thời đề xuất những giải pháp giúp cho các chuyên gia làm công tác hướng nghiệp có thể thấy rõ ràng hơn ở nhiều khía cạnh khác nhau, để công tác hướng nghiệp đạt được nâng cao hiệu quả hơn. Nghiên cứu còn là tài liệu cần thiết cho sinh viên, giảng viên và các trường THPT nơi nghiên cứu. Không những thế, kết quả nghiên cứu còn là cơ sở cho những nhà nghiên cứu sau này có thể sử dụng làm tư liệu cho những nghiên cứu liên quan tới vấn đề này.

5. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

5.1. Phương pháp nghiên cứu dữ liệu thứ cấp

Đề tài tiếp cận, tham khảo và sử dụng các tài liệu, các nghiên cứu khoa học có liên quan tới chuyên đề để so sánh, phân tích, khái quát và tổng hợp nhằm làm rõ tính lý luận và tính vận dụng thực tiễn của chúng để có thể làm cơ sở lí luận giúp đề tài nghiên cứu của nhóm có cái nhìn khách quan, đa chiều và cụ thể hơn. Đề tài còn nghiên cứu dựa trên các chính sách, văn kiện, nghị quyết, nghị định cùng với các bản văn pháp luật liên quan tới đề tài.

Nhóm thu thập các tài liệu liên quan tới đề tài từ nhiều nguồn khác nhau và sẵn có như: Các nghiên cứu khoa học trước, tạp chí, sách, báo, phương tiện truyền thông, các tư liệu, luận văn, đề án, cùng với các văn bản pháp luật, nghị đinh, thông tư, nghị quyết,…Những dữ liệu này cung cấp thông tin về thực trạng của nghề nghiệp, công tác hướng nghiệp cho các em HS THPT, cung cấp những góc nhìn khác nhau của nhiều

nhà nghiên cứu về những yếu tố tác động đến HS THPT trong việc các em lựa chọn nghề nghiệp.

5.2. Phương pháp điều tra, khảo sát bằng bảng hỏi

Dựa trên những mục tiêu nghiên cứu của đề tài, nhóm tìm hiểu khái quát về các trường và xây dựng bảng hỏi điều tra bằng công cụ bảng hỏi Anket, sau đó tính toán chọn số lượng mẫu mẫu điều tra trên các em HS THPT về những yếu tố tác động đến việc chọn ngành nghề của HS THPT, các em sẽ được hướng dẫn trả lời một cách cụ thể. Nghiên cứu thực hiện 240 mẫu tại các trường THPT trong địa bàn thành phố Đà Lạt.

5.3. Phướng pháp chọn mẫu:

Mẫu được lựa chọn ngẫu nhiên bằng cách lập danh sách các HS theo khối và dùng các con số ngẫu nghiên để lựa chọn HS làm mẫu nghiên cứu. Các trường được chọn cần có những điều kiện sau:

- Trường THPT có một cấp học.
- Trường THPT có nhiều cấp học.
- Trường THPT công lập.
- Trường THPT dân lập.
- Trường THPT chuyên biệt.

Vì vậy 4 trường THPT được chọn phù hợp với tất cả các điều kiện trên bao gồm trường THPT Chuyên Thăng Long, THPT Bùi Thị Xuân, THPT Trần Phú, THPT Hermann Gmeiner. Mỗi trường khảo sát 60 mẫu, tại mỗi trường sẽ khảo sát theo khối, mỗi khối sẽ khảo sát 20 mẫu, tổng số mẫu được chọn để khảo sát là 240 mẫu.

Sử dụng danh sách của học sinh (theo khối), được xếp theo thứ tự alphabet. Sau đó lấy tổng số học sinh có tên trong danh sách chia cho 20 để xác định bước chọn k. Bước chọn k sẽ là khoảng cách trên danh sách các phần tử được chọn.

$k = \frac{\mathrm{N}}{20}$ Trong đó *N là* tổng số học sinh trong danh sách tổng thể.

Dựa trên danh sách tổng thể, cứ một khoảng cách k đơn vị, nhóm sẽ chọn một học sinh để thực hiện khảo sát.

5.4. Phương pháp phỏng vấn sâu

Nhóm lựa chọn mẫu ngẫu nhiên đơn giản, dùng hàm random của máy tính để chọn ra các mẫu bao gồm mỗi khối sẽ lựa ra 2 học sinh, một nam và một nữ, và các HS được lựa chọn ngẫu nhiên trong 4 trường nhóm thực hiện khảo sát. Nhóm phỏng vấn sâu và phỏng vấn trực tiếp, nội dung phỏng vấn tuy được chuẩn bị trước nhưng trình tự nội dung câu hỏi phỏng vấn có thể linh động để giúp cho những người trả lời phỏng vấn có thể trả lời một cách thoải mái và tự nhiên, nhóm sử dụng phương pháp phỏng vấn cá nhân và phỏng vấn nhóm nhằm khai thác nhiều thông tin hơn và thấy rõ quan điểm của học sinh về các yếu tố tác động đến lựa chọn nghề nghiệp. Nhóm xử lý nội dung phỏng vấn bằng cách gỡ băng, mã hoá và phân tích.

5.5. Phương pháp thống kê toán học

Nhóm xử lý các kết quả sau khi điều tra được bằng phần mềm SPSS 25 và phần mềm Excel 2016 (dùng để vẽ biểu đồ) làm cơ sở cho những phân tích và kết quả của đề tài nghiên cứu.

5.6. Phương pháp xử lý, phân tích số liệu

Không chỉ xử lý bằng phương pháp thống kê toán học, nhóm còn tiến hành xử lý các dữ liệu tổng hợp được từ những dữ liệu thứ cấp và những dữ liệu thu thập được trong quá trình tiến hành nghiên cứu để cơ sở lý luận của đề tài được rõ ràng hơn. Các phương pháp thống kê được sử dụng là:

- Thống kê mô tả
- Phân tích nhân tố khám phá (EFA) nhằm thu nhỏ và tóm tắt dữ liệu để đưa vào các thủ tục phân tích đa biến.
- Phân tích hồi quy và kiểm định sự phù hợp của mô hình nhằm đo lường và đánh giá tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn ngành nghề của HS.
- Kiểm định các giả thuyết.

6. GIẢ THUYẾT NGHIÊN CỨU

- Giả thuyết H1: Yếu tố vi mô – Yếu tố về giới có ảnh hưởng đến lựa chọn nghề nghiệp của học sinh.
- Giả thuyết H2: Yếu tố vi mô – Yếu tố về học lực tác động đến việc học sinh lựa chọn nghề nghiệp.

- Giả thuyết H3: Yếu tố vi mô – Yếu tố về sở thích có tác động đến việc lựa chọn nghề nghiệp của học sinh.
- Giả thuyết H4: Yếu tố trung mô – Yếu tố về gia đình có tác động đến việc lựa chọn nghề nghiệp của học sinh.
- Giả thuyết H5: Yếu tố trung mô – Yếu tố bạn bè, nhà trường có ảnh hưởng đến lựa chọn nghề nghiệp của học sinh.
- Giả thuyết H6: Yếu tố vĩ mô – Yếu tố về truyền thông có ảnh hưởng đến lựa chọn nghề nghiệp của học sinh.
- Giả thuyết H7: Yếu tố vĩ mô – Yếu tố về các trường đại học có ảnh hưởng đến lựa chọn nghề nghiệp của học sinh.
- Giả thuyết H8: Yếu tố vĩ mô – Các yếu tố khác (chính trị, xã hội, tôn giáo, quốc tế) có ảnh hưởng đến lựa chọn nghề nghiệp của học sinh.

7. Cấu trúc đề tài:

Cấu trúc đề tài bao gồm 5 phần:

- Phần mở đầu: Tổng quan đề tài nghiên cứu.
- Chương I: Cơ sở lý luận và thực tiễn nghiên cứu của đề tài.
- Chương II: Thực trạng định hướng nghề nghiệp HS THPT hiện nay và những khó khăn của HS THPT trong quá trình lựa chọn nghề nghiệp.
- Chương III: Các yếu tố tác động đến việc chọn nghề nghiệp của HS THPT.
- Kết luận và khuyến nghị.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1.1. Các nghiên cứu về công tác hướng nghiệp

Vấn đề việc làm luôn được sự quan tâm cách đặc biệt không chỉ tại Việt Nam, các quốc gia trên thế giới đều có rất nhiều chính sách, các chương trình khác nhau nhằm giảm thiểu tình trạng thất nghiệp. Việc ĐHNN cho một người ngay từ thời điểm đang học chương trình phổ thông là rất quan trọng, bởi vì đó là thời kỳ một người bắt đầu định hướng cho mình một nghề nghiệp nhất định trong tương lai, họ sẽ trở thành lực lượng lao động cho xã hội trong tương lai.

Ngay từ những năm 1880, người đầu tiên đề nghị đưa phương pháp Test trắc nghiệm tâm lý vào công tác tuyển chọn nghề là nhà tâm lý học Mĩ. M. Kettell, năm 1883, nhà Tâm lý học Anh F. Gallton lần đầu tiên sử dụng Test để chẩn đoán nhân cách nhằm mục đích tư vấn nghề nghiệp.

Năm 1910 một Hội đồng hướng nghiệp được thành lập ở New York. Nhiệm vụ của các hội đồng hướng nghiệp này là nghiên cứu các yêu cầu của nghề đối với con người, tìm hiểu một cách chi tiết về năng lực của HS từ đó giúp HS lựa chọn cho mình một nghề phù hợp.

Tại Liên Xô, trong bài báo "*Chọn nghề*" (1925) Krupxkaia phê phán tính chất thực dụng của kỹ thuật tâm lý sử dụng trong hướng nghiệp ở một số nước tư bản, và chỉ ra nhiệm vụ hàng đầu của kỹ thuật tâm lý XHCN là: khi giải quyết vấn đề tuyển chọn nghề; phải chú ý sao cho thanh niên chọn được nghề có thể giúp họ phát triển nhân cách hài hòa, đem lại cho họ sự thỏa mãn và niềm vui. Tuy nhiên, các nhà sư phạm Xô Viết đã chỉ ra được tầm quan trọng của việc hướng nghiệp, tư vấn chọn nghề nghiệp, họ đúng đắn khi xem hướng nghiệp là phương tiện để phát triển hài hoà nhân cách của các thanh niên và giúp họ định hướng nghề nghiệp cho phù hợp. Tuy nhiên, họ vẫn chưa có chuyên gia về tư vấn, tuyển chọn nghề, cơ sở vật chất còn yếu, và vấn đề hướng nghiệp chưa có phương pháp hoàn chỉnh mà mới chỉ có lý thuyết.

Vào những năm 1940, nhà tâm lý học Mỹ J.L Holland đã nghiên cứu và thừa nhận sự tồn tại của các loại nhân cách và sở thích nghề nghiệp tác giả đã chỉ ra tương ứng với mỗi kiểu nhân cách nghề nghiệp đó là một số những nghề nghiệp mà cá nhân

có thể chọn để có được kết quả làm việc cao nhất. Holland đã phân tích 6 nhóm nghề nghiệp và phân tích những môi trường làm việc cùng với những công việc phù hợp với từng nhóm tính cách đó.

Đến những năm 1977 trở về sau đã có rất nhiều các nhà nghiên cứu về các hình thức, phương thức hướng nghiệp ở trường học như: Hart& Morgan (1977); M. Anne Corbishley (1987); B.Germer; B.Rothe; H.Keim; F.Parsons ; H.Frankiewiez; Mary J. Heppner & P. Paul Heppner (2004) ; Jennifer M Kidd (2006); Mary McMahon và Wendy Patton (2006) Rudolf Kohoutek (2012); David Capuzzi & Mark D. Stauffer (2011);… đã nhấn mạnh vai trò của việc hướng nghiệp trong nhà trường, đưa ra các mô hình và lý thuyết, quan điểm khác nhau về ĐHNN, khuyến khích việc kết hợp hướng nghiệp trong nhà trường với lao động sản xuất, tham quan, thực tập ở các nhà máy, xí nghiệp nhằm nâng cao nhận thức của HS về nghề nghiệp. Họ nhấn mạnh về tầm quan trọng của tư vấn, tham vấn nghề nghiệp, đề cao tính tự quyết của người được tham vấn thông qua sự trợ giúp của các chuyên gia.

Năm 1981, Hội đồng Chính phủ (Việt Nam) ban hành Quyết định 126- CP về công tác đẩy mạnh hoạt động hướng nghiệp và sử dụng hợp lý HS tốt nghiệp phổ thông (19-3-1981) thì hoạt động hướng nghiệp mới được coi là nhiệm vụ của toàn xã hội, là một phần của công tác dạy học và giáo dục trong nhà trường phổ thông.

Trong thời kỳ này, hàng loạt các công trình nghiên cứu, các hệ thống lý thuyết, quan điểm ra đời, bao gồm nhiều tác giả như: Phạm Tất Dong, Đặng Danh Ánh, Võ Nguyên Giáp, Đặng Thành Hưng, Đoàn Chi, Nguyễn Minh Đường, Nguyễn Văn Hộ, Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Nguyễn Văn Lê, … Các tác giả nhấn mạnh tầm quan trọng của hướng nghiệp và vai trò vùng với trách nhiệm của nhà trường, các ban ngành đoàn thể có liên quan trong việc ĐHNN cho HS, các biện pháp, cơ sở lý luận về hướng nghiệp.

Năm 1997, Thành Đoàn Hà Nội cũng có một nghiên cứu về xu hướng nghề nghiệp của sinh viên. Trong nghiên cứu này đã chỉ ra những bất cập, nhiều sinh viên đã không hài lòng với ngành mình đang học từ đó giảm hứng thú học tập.

Đối với tác giả Đặng Danh Ánh, Trong nghiên cứu đề tài "*Mô tả các nghề đào tạo nhằm mục đính hướng nghiệp*" (Ánh, Giáo dục hướng nghiệp ở Việt Nam, 2010), tác giả đã chỉ ra quy trình tư vấn nghề nghiệp bao gồm 7 bước, đề tài đã đưa ra được

quy trình cụ thể để dễ dàng thực hiện hơn. Tuy nhiên, tác giả chưa đưa ra được các nguyên tắc, biện pháp, kỹ thuật sử dụng các bước đó như thế nào và chưa nêu rõ các yếu tố tác động đến việc lựa chọn ngành nghề của HS THPT.

Trong nghiên cứu "*Đánh giá của học sinh lớp 12 về thực trạng giáo dục hướng nghiệp tại các trường THPT ở một số tỉnh miền Đông Nam Bộ"* (Linh, 2017) tác giả Nguyễn Trần Vĩnh Linh tập trung vào phần đánh giá của học sinh và công tác GDHN tại các trường THPT mà không phân tích rõ những yếu tố khác nhau có thể tác động đến quyết định của HS THPT.

Đều nghiên cứu sâu về hoạt động GDHN, tuy nhiên tác giả Trương Thị Hoa lại chọn chuyên sau về hoạt động tham vấn trong GDHN, tác giả đã có cái nhìn sâu hơn về nhu cầu của các em HS THPT, tác giả cũng phân tích những hoạt động giáo dục hướng nghiệp của nhà trường, công tác hướng nghiệp của thầy cô, các cơ quan chức năng có liên quan, tất cả những quan điểm của Trương Thị Hoa được thể hiện qua nghiên cứu trong Luận án Tiến sĩ Khoa Giáo dục với đề tài "*Giáo dục hướng nghiệp cho học sinh Trung học phổ thông khu vực Hà Nội qua tham vấn nghề*" (Hoa, 2014), ở đây tác giả đã rất sâu sắc khi nghiên cứu rõ nhu cầu của học sinh và các hoạt động GDHN của nhà trường, thầy cô cũng như các cấp quản lý, tuy nhiên tác giả không đi sâu vào phân tích những yếu tố khách quan như bạn bè, nhóm, phương tiện truyền thông đại chúng,… Các yếu tố đó cũng có tác động không hề nhỏ đến việc HS THPT lựa chọn nghề nghiệp.

Trong nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Trường Hân với đề tài "*Thực trạng công tác tư vấn hướng nghiệp ở một số trường Trung học phổ thông tại thành phố Hồ Chí Minh*" (Hân, 2011) tác giả lại có cái nhìn tổng quan hơn khi phân tích những nguồn thông tin tác động đến HS THPT từ hệ thống vi mô, trung mô đến vĩ mô, nhưng tác giả chỉ tập trung vào công tác tư vấn hướng nghiệp nhiều hơn là đi sâu phân tích những yếu tố tác động đến việc HS THPT lựa chọn ngành nghề.

1.1.2. Các nghiên cứu về các yếu tố tác động đến việc lựa chọn nghề nghiệp của HS THPT

Năm 1895, F. Galton cùng với nhà Tâm lý học Pháp A.Binet đã thành lập Sở tư vấn nghề nghiệp đầu tiên tại Pháp. Đến đầu thế kỷ XX các cơ sở dịch vụ tư vấn, hướng nghiệp lần lượt ra đời ở Mỹ, Anh, Cộng hòa Liên bang Đức…. Giáo sư Frank Parsons

(1854 –1908) là giáo sư người Mỹ đã đưa ra những lý thuyết về các yếu tố ảnh hưởng đến việc chọn nghề, ông tiếp cận và nhấn mạnh nhiều tới yếu tố nhân cách.

Trong Luận văn thạc sĩ của tác giả Nguyễn Phương Toàn, tác giả đã thực hiện nghiên cứu *"Khảo sát các yếu tố tác động đến việc chọn trường của học sinh lớp 12 trung học phổ thông trên địa bạn tỉnh Tiền Giang"* (Toàn, 2011), tác giả đã cho thấy một cách rất khánh quan về những yếu tố ảnh hưởng đến việc chọn nghành nghề của HS THPT như: Yếu tố gia đình, yếu tố giáo dục hướng nghiệp của nhà trường, yếu tố bạn bè, yếu tố các phương tiện thông tin đại chúng và các tổ chức xã hội, tác giả đã khái quát cụ thể 8 yếu tố và trình bày trong luận văn. Tuy nhiên, tác giả chưa đi sâu và nhấn mạnh vào các đặc điểm cá nhân, đặc điểm gia đình và những yếu tố môi trường mà có thể ảnh hưởng đến việc lựa chọn ngành nghề của HS THPT. Hơn nữa, tác giả chỉ tập trung vào "Quyết định dự thi vào trường đại học", trên thực tế hiện nay có rất nhiều học sinh quyết định không theo đại học mà lại học nghề, về phụ giúp cha mẹ, kinh doanh,... Nghiên cứu của tác giả chỉ nhấn mạnh đến HS lớp 12, tuy nhiên các em cần phải lựa chọn chuyên ngành cho mình ngay từ khi bước vào lớp 10 để có thể định hướng chính xác hơn và không bị chậm trễ.

Trong đề tài nghiên cứu "*Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường Đại học của học sinh phổ thông trung học*" của hai tác giả (Trần Văn Quí & Cao Hào Thi, 2009) Trường ĐH Bách Khoa, Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh thực hiện trên các bạn học sinh lớp 12 đã nhấn mạnh về khía cạnh ảnh hưởng của yếu tố cá nhân, không những thế bài nghiên cứu còn nhấn mạnh đến những yếu tố ngoài tác động đến các em như: Yếu tố về đặc điểm của trường đại học; Yếu tố về cơ hội việc làm trong tương lai, Yếu tố về nỗ lực giao tiếp với học sinh của các trường đại học,… Tuy nhiên, trên thực tế hiện nay có rất nhiều học sinh không lựa chọn theo học đại học mà chọn những con đường khác nhau cho nghề nghiệp của mình, như vậy chúng ta cũng cần phải tìm hiểu những yếu tố đã tác động đến lựa chọn của các em ngoài các yếu tố liên quan đến sự ảnh hưởng của các trường đại học.

Đối với nghiên cứu "*Các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định chọn trường đại học của học sinh THPT tại Việt Nam: Bằng chứng khảo sát năm 2020*" của hai tác giả (Lê Thị Mỹ Linh & Khúc Văn Quý, 2020) đã thể hiện nhiều điểm khá là ấn tượng, nghiên cứu được thực hiện từ các bạn sinh viên năm nhất của các trường Đại học ở Hà Nội,

nghiên cứu tập trung vào 4 yếu tố là: Yếu tố thông tin quảng cáo; Yếu tố thương hiệu và việc làm; Yếu tố bản thân HS; yếu tố học phí và cơ sở vật chất. Nghiên cứu đã thể hiện được sự đặc sắc khi tìm hiểu từ chính những người đã từng trải qua và có hướng đề xuất sự cải thiện cho những thế hệ sau thực hiện công tác tuyển sinh được tốt hơn, tuy nhiên, có rất nhiều bạn học sinh có những lựa chọn khác ngoài học Đại học nên nghiên cứu không thể hiện được những yếu tố nào ảnh hưởng đến các bạn học sinh khi các bạn không theo học Đại học.

Tóm lại, tất cả các công trình nghiên cứu của các tác giả đều đã cung cấp những thông tin rất quan trọng cho đề tài nghiên cứu của nhóm, những tài liệu nhóm phân tích giúp cho đề tài có cái nhìn khách quan, tổng quát theo nhiều chiều hướng khác nhau về vấn đề hướng nghiệp. Các tài liệu tập trung vào tầm quan trọng và vai trò của nghề nghiệp và công tác ĐHNN, các tác giả đã đưa ra các mô hình áp dụng thực tế về hướng nghiệp cho HS THPT,… Tuy nhiên, các nghiên cứu đều chưa đặt các em HS vào trong hệ thống xã hội để phân tích các yếu tố đã tác động đến các em HS như thế nào trong quá trình các em lựa chọn nghề nghiệp. Chính vì thế, nghiên cứu của nhóm đã đặt các em vào hệ thống xã hội và đi sâu vào những yếu tố có thể tác động đến việc chọn ngành nghề của HS THPT, từ đó phân tích những yếu tố đó tác động như thế nào để có thể cung cấp cái nhìn đa chiều hơn về vấn đề nhằm khắc phục tình trạng chọn sai ngành nghề ở HS THPT.

1.2. Các khái niệm liên quan

Giáo dục nghề nghiệp: một bậc học của hệ thống giáo dục quốc dân nhằm đào tạo trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác cho người lao động, đáp ứng nhu cầu nhân lực trực tiếp trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, được thực hiện theo hai hình thức là đào tạo chính quy và đào tạo thường xuyên. (Quốc Hội, 27/11/2014).

Đào tạo nghề nghiệp: hoạt động dạy và học nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cần thiết cho người học để có thể tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm sau khi hoàn thành khóa học hoặc để nâng cao trình độ nghề nghiệp. (Quốc Hội, 27/11/2014).

Nghề nghiệp*:* Nghề nghiệp là nghề làm để sinh sống và để phục vụ xã hội. (Hoàng Phê - Trung tâm từ điển học, 2010).

ĐHNN: + Định hướng: xác định phương hướng chung; + ĐHNN: là một khái niệm giáo dục toàn diện và liên tục được thiết kế để cung cấp cho các cá nhân ở cấp trung học với các thông tin, kinh nghiệm để chuẩn bị cho họ sống và làm việc trong một xã hội, môi trường cần thiết. (Hoàng Phê - Trung tâm từ điển học, 2010).

Tư vấn hướng nghiệp: một hệ thống những biện pháp tâm lý – giáo dục nhằm đánh giá toàn bộ năng lực thể chất và trí tuệ của thanh thiếu niên, đối chiếu các năng lực đó với những yêu cầu do nghề đặt ra đối với người lao động, có cân nhắc đến nhu cầu nhân lực của địa phương và xã hội, trên cơ sở đó cho họ những lời khuyên về chọn nghề có căn cứ khoa học, loại bỏ những trường hợp may rủi, thiếu chín chắn trong khi chọn nghề. (Oanh, 1996)

1.3. Các lý thuyết ứng dụng

1.3.1. Thuyết hệ thống

Lý thuyết hệ thống được đề xướng năm 1940 bởi nhà sinh vật học Ludwig von Bertalanffy. Sau này lý thuyết hệ thống được các nhà khoa học khác nghiên cứu và phát triển như Hanson (1995), Mancoske (1981), Siporin (1980). Thuyết này dựa trên quan điểm lý thuyết sinh học cho rằng mọi tổ chức hữu cơ đều là những hệ thống được tạo nên từ các tiểu hệ thống và ngược lại cũng là một phần của hệ thống lớn hơn. Do đó con người là một bộ phận của xã hội và được tạo nên từ các phân tử, mà được tạo dựng từ các nguyên tử nhỏ hơn. Lý thuyết này lúc đầu chỉ được áp dụng trong lĩnh vực sinh học, sau đó được chuyển sang việc giải quyết những vấn đề của các chuyên ngành khác, trong đó có các ngành thuộc khoa học xã hội, nghiên cứu về mối quan hệ giữa con người với vấn đề xã hội như: Xã hội học, CTXH,...

Dưới góc độ CTXH: "Hệ thống là một tập hợp các thành tố được sắp xếp có trật tự và liên hệ với nhau để hoạt động thống nhất. Con người phụ thuộc vào hệ thống trong môi trường xã hội nhằm đáp ứng nhu cầu trực tiếp của mình trong cuộc sống" (GS. TS Juliane Sagebiel & ThS. Ngân Nguyễn Meyer, 2012).

Thuyết hệ thống hoạt động tuân thủ theo nguyên tắc: Một là mọi tiểu hệ thống đều nằm trong hệ thống lớn hơn. Hai là mối quan hệ chặt chẽ giữa tiểu hệ thống này với hệ thống khác. Ba là mọi hệ thống đều có đầu vào và đầu ra. Bốn là mọi hệ thống đều có xu thế tìm kiếm sự cân bằng với hệ thống khác.

Trong CTXH, hai hình thức cơ bản của lý thuyết hệ thống được phân biệt đó là lý thuyết hệ thống tổng quát và lý thuyết hệ thống sinh thái:

- Lý thuyết hệ thống tổng quát: Trọng tâm là hướng đến những cái tổng thể và nó mang tính hòa nhập trong CTXH. Nguyên tắc về cách tiếp cận này chính là các cá nhân phụ thuộc vào hệ thống trong môi trường xã hội trung gian của họ nhằm thỏa mãn được cuộc sống riêng, do đó công tác xã hôi nhấn mạnh đến các hệ thống tổng thể.
- Thuyết hệ thống dựa trên quan điểm sinh thái nhấn mạnh vào sự tương tác giữa con người với môi trường sinh thái của mình.

Vì vậy, nguyên tắc tiếp cận chủ đạo của lý thuyết này là cuộc sống bình thường của con người phụ thuộc vào môi trường xã hội hiện tại của họ. Thuyết nhấn mạnh: Sự can thiệp tại bất kỳ điểm nào trong hệ thống cũng sẽ ảnh hưởng hoặc tạo ra sự thay đổi trong toàn bộ hệ thống. (GS. TS Juliane Sagebiel & ThS. Ngân Nguyễn Meyer, 2012).

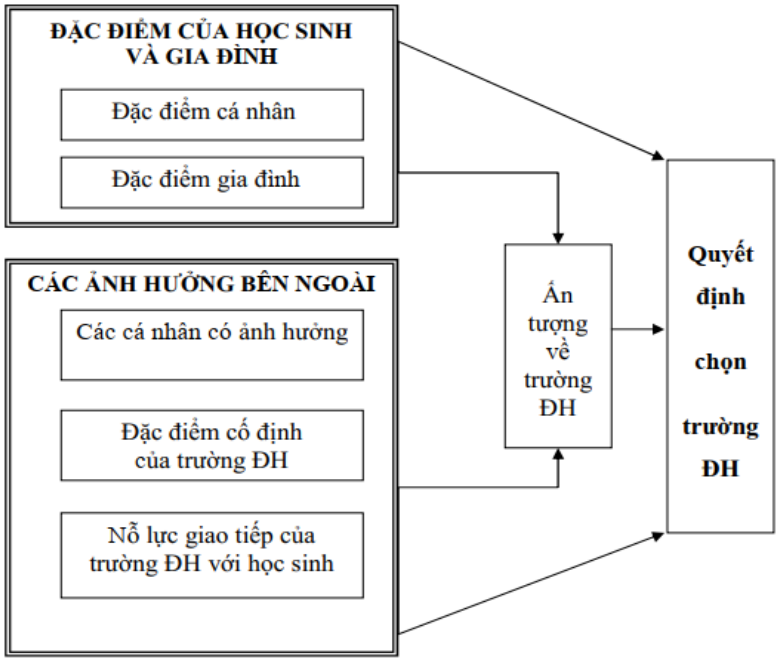
Với lý thuyết hệ thống, nhóm có thể hiểu và đánh giá được mức độ các yếu tố đã tác động đến các em HS THPT như thế nào trong quá trình các em lựa chọn nghề nghiệp, bảng hỏi và kết cấu đề tài nghiên cứu của nhóm được thiết kế dựa trên thuyết hệ thống, các em khi tham gia khảo sát và trả lời phỏng vấn sẽ được đặt trong hệ thống từ vi mô, trung mô, vĩ mô để có cái nhìn khách quan và toàn diện nhất, từ đó có thể tìm ra được những nhân tố nào ảnh hưởng đến các em nhất, và chúng ta có thể so sánh, đánh giá được các yếu tố đã tác động đến các em HS THPT như thế nào.

1.3.2. Mô hình tổng quát của việc lựa chọn trường đại học của các HS - D.W. Chapman

D.W.Chapman đã đề nghị một mô hình tổng quát của việc lựa chọn trường đại học của các HS. Dựa vào kết quả thống kê mô tả, ông cho thấy có 2 nhóm yếu tố ảnh hưởng nhiều đến quyết định chọn trường đại học của HS. Thứ nhất là đặc điểm của gia đình và cá nhân HS. Thứ hai là một số yếu tố bên ngoài ảnh hưởng cụ thể như các cá nhân có ảnh hưởng, các đặc điểm cố định của trường đại học và nỗ lực giao tiếp của trường đại học với các HS.

Bên cạnh đó, có rất nhiều nghiên cứu khác sử dụng kết quả nghiên cứu của D.W Chapman và phát triển trên những mô hình khác để nghiên cứu các yếu tố ảnh

hưởng đến quyết định lựa chọn trường đại học của HS. Cabera và La Nasa đã nghiên cứu mô hình 3 giai đoạn lựa chọn trường đại học của HS dựa trên nền tảng của mô hình chọn trường của D.W.Chapman và K. Freeman và từ kết quả nghiên cứu, Cabera và La Nasa nhấn mạnh rằng những mong đợi về công việc trong tương lai của HS cũng là một nhóm yếu tố quan trọng tác động đến quyết định lựa chọn trường đại học của HS.



Hình 1. *Mô hình các yếu tố ảnh hưởng chọn trường đại học của học sinh – (D.W. Chapman*

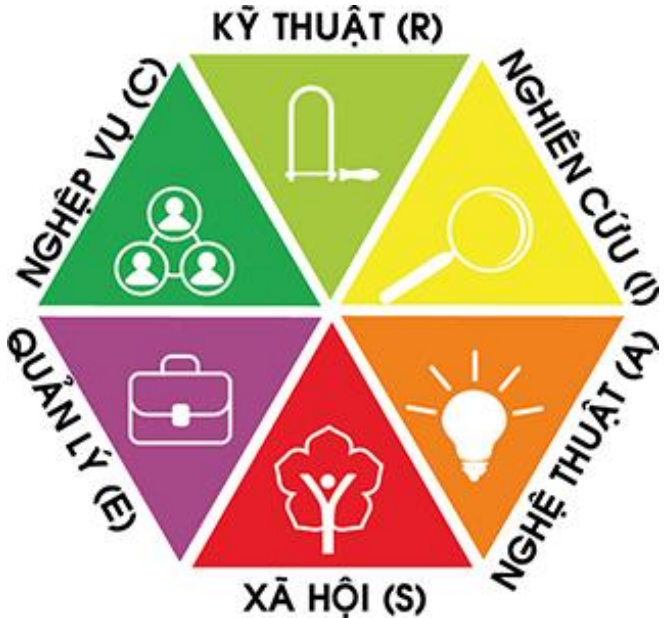
1.3.3. Thuyết chọn nghề John Holland

John L.Holland (1919 – 2008) là tiến sỹ tâm lý học người Mỹ. Holland nổi tiếng nhất và biết đến rộng rãi nhất qua nghiên cứu lý thuyết lựa chọn nghề nghiệp. Lý thuyết đó chia con người ra 6 loại cá tính và thường được viết tắt là RIASEC và được gọi là Mã Holland (Holland codes). Học thuyết của Holland đã lập luận rằng: "Thiên hướng nghề nghiệp chính là sự biểu hiện cá tính của mỗi con người" và nó được phân loại thành 6 nhóm và được diễn tả ở hai phương diện: tính cách con người và môi trường làm việc.

Thuyết Holland không giả định rằng một người chỉ có một trong 6 loại tính cách trên thế giới. Thay vào đó, ông chỉ ra rằng bất kỳ người nào cũng có thể được mô tả bằng việc dung hòa một trong 6 loại tính cách theo thứ tự giảm dần. Trên cơ sở này Bộ quy tắc Holland đã diễn tả 720 mô hình tính cách khác nhau của con người. 6 Loại tính cách gồm:

- R (Realistic): Thực tế.
- I (Investigative): Có khả năng về quan sát, khám phá, phân tích đánh giá và giải quyết các vấn đề.
- A (Artistic): Có khả năng về nghệ thuật.
- S (Social): Có khả năng về ngôn ngữ, giảng giải, thích làm những việc như giảng giải, cung cấp thông tin, sự chăm sóc, giúp đỡ, hoặc huấn luyện cho các người khác.
- E (Enterprise): Có khả năng về kinh doanh, mạnh bạo, dám nghĩ dám làm, có thể gây ảnh hưởng, thuyết phục người khác; có khả năng quản lý.
- C (Conventional): Có khả năng về số học, thích thực hiện những công việc chí tiết, thích làm việc với dữ liệu, theo chỉ dẫn của người khác hoặc các công việc văn phòng.

Holland đã sắp xếp sáu loại tính cách này vào một lục giác (mô hình) dựa trên sở thích làm việc với những tác nhân kích thích khác nhau gồm: con người, dữ liệu, đồ vật và ý tưởng. Lý thuyết chỉ ra rằng con người với những kiểu tính cách khác nhau thích làm việc với những tác nhân kích thích khác nhau và khoảng cách giữa tính cách trong công việc cho thấy mức độ khác nhau trong sở thích của họ. Mô hình cung cấp thêm thông tin về xu hướng lựa chọn chuyên ngành trong tương lai bằng những khả

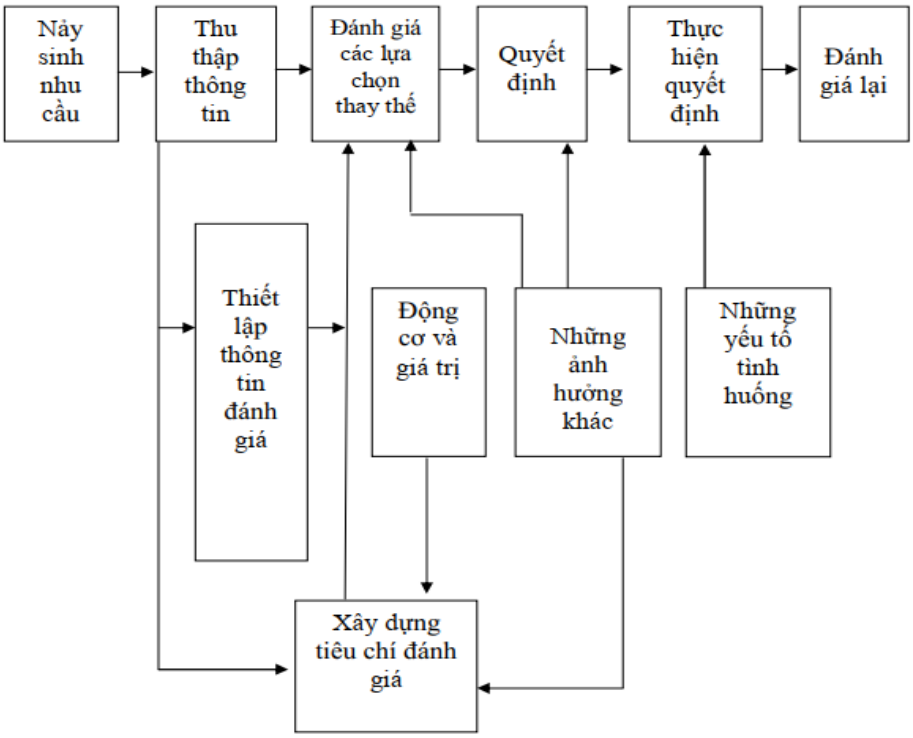


năng và khuynh hướng của HS.

Hình 2. *Mô hình chọn nghề của John Holland*

1.3.4. Mô hình các bước tiến hành để ra một quyết định phức tạp

Kotler và Fox đã đề xuất mô hình tổng quát thể hiện các bước tiến hành để ra



một *quyết định phức tạp, mô hình này được tóm tắc bằng sơ đồ sau:*

Hình 3. *Mô hình các bước tiến hành để ra một quyết định phức tạp (Kotler và Fox)*

1.3.5. DISC Profile của William Moulton Marston

DISC Profile hay còn gọi là DISC Assessment là mô hình nghiên cứu của Tiến sĩ William Moulton Marston (1893 - 1947) để kiểm tra các hành vi cá nhân của con người trong môi trường hoặc trong một tình huống cụ thể. Lý thuyết DISC đã bắt đầu được phát triển từ năm 1928, khi tiến sĩ William Moulton Marston mô tả về lý thuyết này trong cuốn "*Emotions of Normal People*" (năm 1928). Các cách phân loại tính cách theo mô hình DISC mà các đánh giá hiện nay áp dụng đều xuất phát từ nghiên cứu của tiến sĩ Marston như Tiến sĩ Wiggins (1995) và Tiến sĩ Kiesler (1997) phát triển dựa trên mô hình DISC ban đầu. Mô hình DISC cung cấp một cách nhìn sâu sắc về những điểm nổi bật của từng cá nhân nhằm mục đích đưa ra chiến lược giao tiếp thành công, hiệu quả với người khác.

DISC là viết tắt của của cụm từ:

- Dominance (người quyền lực): là người tiên phong, bản lĩnh, lãnh đạo, độc đoán.
- Influence (người ảnh hưởng): là người đầy cảm hứng, lạc quan, có sức thuyết phục, bốc đồng, nhiều cảm xúc, thân thiện và hoạt bát.
- Steadiness (người trầm tĩnh): là người trầm tư, nội tâm, chậm chạp.
- Conscientiousness (người tuân thủ): hòa nhã, vô tư, giỏi lắng nghe, kiên nhẫn, chân thành, ổn định, thận trọng, thích đi đó đây, giọng điệu đều đều, cẩn thận, chi ly, tính toán.

Theo mô hình, mỗi người đều sẽ có đầy đủ 4 nhóm tính cách, tuy nhiên, mỗi người sẽ có một hoặc hai nhóm tính cách trội hơn các nhóm còn lại. Mô hình được phổ biến từ đầu những năm 70, mô hình thường được sử dụng trong việc phân tích tính cách, phân nhóm, hướng nghiệp, quản lý, huấn luyện tư vấn, giải quyết mâu thuẫn, phát triển cá nhân trong nhóm,… Mô hình cung cấp cái nhìn khách quan cho nhóm trong việc phân tích tính cách của cá nhân trong xu hướng chọn nghề nghiệp của HS.



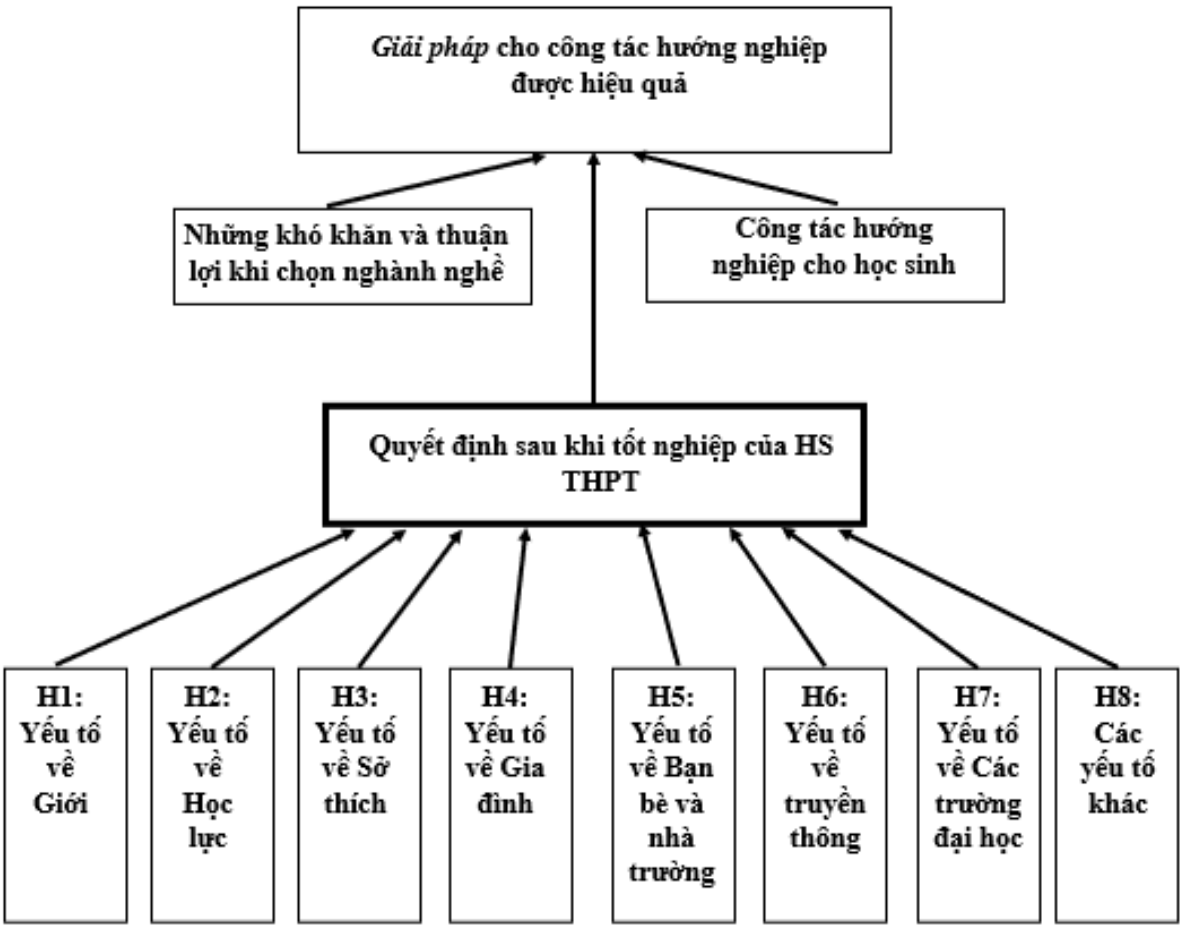
Hình 4. *Mô hình tính cách DISC - William Moulton Marston*

2. KHUNG PHÂN TÍCH

Nhóm tìm hiểu thực trạng công tác hướng nghiệp của các trường THPT trên địa bàn cùng với việc tìm hiểu các yếu tố tác động đến việc lựa chọn nghề nghiệp của HS THPT và những khó khăn, thuận lợi của các em khi chọn nghề nghiệp qua khung phân tích trong Hình 1.

Nhóm áp dụng thuyết Hệ thống nhằm phân tích các yếu tố đã tác động đến các em HS THPT trong quá trình lựa chọn nghề nghiệp. Các em được đặt trong hệ thống vi mô, trung mô và vĩ mô nhằm có cái nhìn khách quan và toàn diện nhất về những yếu tố có thể tác động đến các em, sau đó nhóm dựa trên các hệ thống đó để đưa ra 8 yếu tố chính yếu đã tác động đến các em. Tiếp theo nhóm phân tích các nhóm yếu tố nào ảnh hưởng đến các em nhất và các yếu tố đó đã ảnh hưởng như thế nào.

Cùng với đó nhóm tìm hiểu thực trạng công tác hướng nghiệp tại các trường THPT hiện nay và những khó khăn/ thuận lợi trong quá trình các em HS THPT lựa chọn nghề nghiệp, từ đó nhóm có thể đề xuất những giải pháp nhằm hỗ trợ tốt hơn cho



các nghiên cứu khác và cho công tác hướng nghiệp cho các em HS THPT.

Hình 5. *Khung phân tích - mô hình nghiên cứu của đề tài*

Tóm tắt: Tại chương 1, nhóm đã xây dựng cơ sở lý luận cho đề tài, nhóm tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan tới lĩnh vực hướng nghiệp và các yếu tố tác động đến việc lựa chọn nghề nghiệp. Các kết quả nghiên cứu

đều cho thấy việc lựa chọn nghề nghiệp bị tác động bởi rất nhiều yếu tố khác nhau và các yếu tố đều có mối quan hệ tác động qua lại. Ngoài ra, nhóm còn xây dựng mô hình nghiên cứu của đề tài dựa trên các lý thuyết được ứng dụng trong đề tài, đặc biệt là thuyết hệ thống. Có 8 giả thuyết về các yếu tố tác động được đặt ra dựa trên hệ thống vi mô, trung mô và vĩ mô.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP HS THPT HIỆN NAY VÀ NHỮNG KHÓ KHĂN CỦA HS THPT TRONG QUÁ TRÌNH LỰA CHỌN NGHỀ NGHIỆP.

2.1. Tổng quan về địa bàn nghiên cứu

Tại *Hội nghị trực tuyến tổng kết năm học 2020-2021 và triển khai phương hướng, nhiệm vụ năm học 2021-2022 đối với lĩnh vực giáo dục trung học* - Sở GD & ĐT tỉnh Lâm Đồng tổng kết: năm học 2020-2021, toàn tỉnh có 59 đơn vị trường THPT và THCS & THPT, có 158 trường THCS và TH & THCS. Cấp THCS có 87.562 HS, Cấp THPT có 43.933 HS. Số trường đạt chuẩn quốc gia đạt tỉ lệ 82%. Số lượng HS cấp THCS là 87.562 HS; cấp THPT là 41.206.. Năm học 2020-2021, đơn vị trường học trên địa bàn thành phố Đà Lạt có 77 trường và 3 cơ sở giáo dục khác với 1.515 nhóm, lớp. Tổng số HS toàn thành phố có 57.663 HS; trong đó, tiểu học 20.369 HS; bậc THCS 14.808 HS và bậc THPT 9.157 HS.

Toàn thành phố Đà Lạt có tổng cộng 13 đơn vị trường học THPT (kể cả công lập và dân lập, không tính các trung tâm giáo dục thường xuyên). Nhóm đã chọn 4 trường THPT bao gồm: THPT Chuyên Thăng Long, THPT Bùi Thị Xuân, THPT Trần Phú, THPT Hermann Gmeiner để thực hiện khảo sát.

2.2. Tổng quan về khách thể nghiên cứu

Nhóm sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính bằng công cụ phỏng vấn sâu, nhóm lựa chọn các mẫu với những tiêu chí:

Mỗi khối sẽ lựa ra 2 học sinh, một nam và một nữ, và các HS được lựa chọn ngẫu nhiên trong 4 trường nhóm thực hiện khảo sát. Mẫu được lựa trên từng khối học và giới tính khác nhau nhằm có cái nhìn tổng quan và đa dạng nhất, nhóm chọn mẫu dựa trên tiêu chí và mục tiêu, mục đích nghiên cứu. Tất cả các thông tin đều được mã

hóa, bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu, sau nghiên cứu những thông tin sẽ không lưu lại và sử dụng cho mục đích khác.

Nhóm sử dụng phiếu khảo sát bao gồm 240 phiếu chia đều cho 4 trường THPT, mỗi trường là 60 phiếu và mỗi khối là 20 phiếu: Khối 10 gồm 20 phiếu; khối 11 gồm 20 phiếu và khối 12 gồm 20 phiếu nhằm tạo ra nguồn dữ liệu đa dạng và khách quan nhất.

Các lớp tham gia khảo sát được trình bày qua bảng sau:

Bảng 1. *Các trường tham gia khảo sát*

Trường	**Số lượng**	**Tỷ lệ (%)**
THPT Chuyên Thăng Long	60	25%
THPT Bùi Thị Xuân	60	25%
THPT Hermann Gmeiner Đà Lạt	60	25%
THPT Trần Phú	60	25%
Tổng	240	100.0

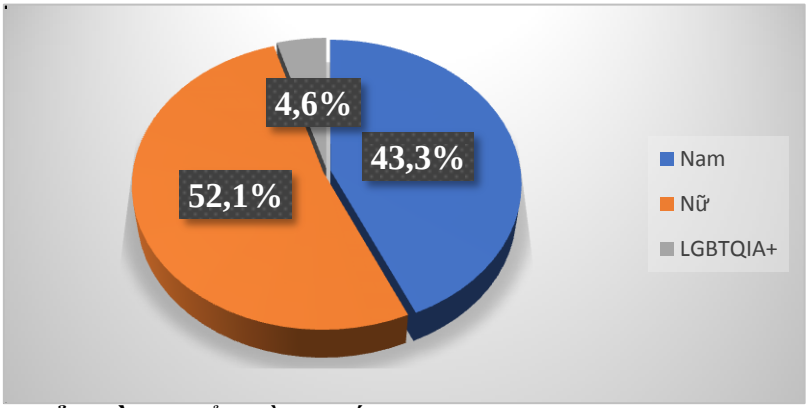
[Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu đề tài, 2022]

Bảng 2. *Số lớp tham gia vào khảo sát*

		Trường				Tổng
		THPT Chuyên Thăng Long	THPT Bùi Thị Xuân	THPT Hermann Gmeiner Đà Lạt	THPT Trần Phú	
Lớp	Lớp 10	20	20	20	20	80
	Lớp 11	20	20	20	20	80
	Lớp 12	20	20	20	20	80
Tổng		60	60	60	60	240

[Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu đề tài, 2022]

Cơ cấu giới tính tham gia nghiên cứu được thể hiện qua biểu đồ sau:



Biểu đồ 1. *Biểu đồ cơ cấu giới tính của HS tham gia khảo sát*

[Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu đề tài, 2022]

Việc phân bố giới tính trong các lớp và các khối với nhau vốn không đồng đều với nhau, vì vậy sự chênh lệch giữa các giới tính với nhau trong tổng số 240 mẫu được khảo sát là: Giới tính nam tham gia vào khảo sát gồm 43,3%, giới tính nữ chiếm hơn một nửa mẫu khảo sát - chiếm 52,1%, còn những mẫu khảo sát thuộc LGBTQIA+ chiếm tỷ lệ ít nhất, chỉ chiếm 4,6% số người tham gia khảo sát (11 HS), điều này hoàn toàn dễ hiểu bởi những người thuộc cộng đồng LGBTQIA+ trong thực tế thường chiếm tỷ lệ ít trong dân số.

2.3. Tình hình hướng nghiệp tại Lâm Đồng

Ngày 17/12/2021 UBND tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Công văn số 9241/UBND-VX1 về việc Báo cáo Sơ kết 03 năm triển khai thực hiện đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng HS phổ thông giai đoạn 2018-2020" triên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Gọi tắt là Đề án 522). Theo đó, công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng HS trên địa bàn tỉnh luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt của các ban ngành, đặc biệt là công tác phân luồng HS đối với cấp THCS.

Các trường bố trí giáo viên tham gia công tác giáo dục hướng nghiệp và tư vấn nghề cho HS lớp 9 với thời lượng 9 tiết/ năm (1 tiết/ tháng). Các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh ngày càng chủ động triển khai thông qua việc đưa các mục tiêu, chỉ tiêu của Đề án 522 vào nghị quyết, kế hoạch của nhà trường; Xây dựng kế hoạch tổ chức giáo dục hướng nghiệp, phân luồng HS phù hợp với đối tượng HS, điều kiện kinh tế xã hội; khảo sát nguyện vọng HS để đánh giá thực trạng, điều chỉnh công tác giáo dục hướng nghiệp, phân luồng HS; tổ chức ngày Hội tuyển sinh, tư vấn hướng nghiệp, mời

chuyên gia tư vấn hướng nghiệp, phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Cao đăng,... để tuyên truyền, tư vấn, hướng nghiệp cho HS.

Kết quả thực hiện đề án 522 giai đoạn 2018-2020 được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 3. *Kết quả thực hiện đề án 522 giai đoạn 2018-2020*

STT	Tiêu chí	Các địa phương có điều kiện kinh tế-xã hội bình thường		Các địa phương có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn		Ghi chú
		Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	
1	Trường THCS có Chương trình Giáo dục hướng nghiệp gắn với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của địa phương	71/148	48,0%	0/9	0%	Tổng số trường đạt được và tỉ lệ so với tổng số trường của địa phương
2	Trường THPT có Chương trình Giáo dục hướng nghiệp gắn với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của địa phương	26/53	49,1%	0/3	0%	
3	Trường THCS có giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ	148/148	100%	9/9	100%	
4	Trường THPT có giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn hướng nghiệp đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ	53/53	100%	6/6	100%	
5	HS tốt nghiệp THCS tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ	2.085/18.395	11,3%	24/800	3%	

	sơ cấp, trung cấp					
6	HS tốt nghiệp THPT tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng	1.715/12.751	13,5%	36/204	17,9%	

Nguồn: Báo cáo của Sở Giáo dục & Đào tạo Lâm Đồng (Số 2430/BC-SGDĐT)

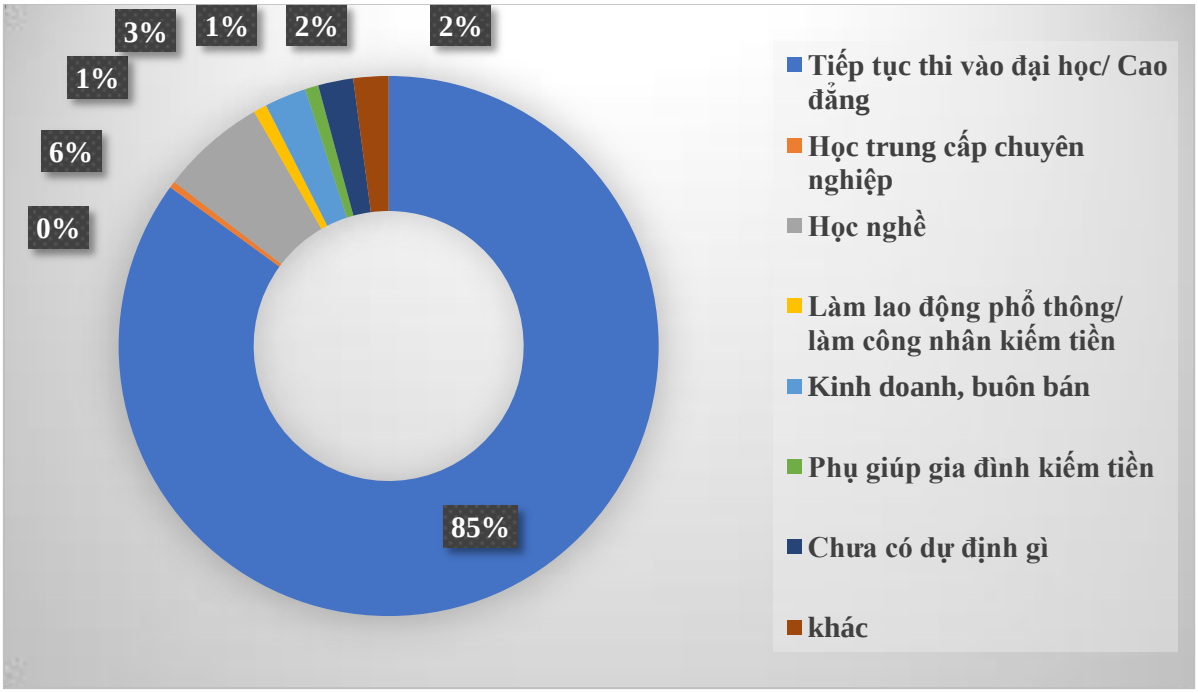
Bên cạnh đó công tác hướng nghiệp của tỉnh cũng gặp không gặp không ít khó khăn, đó là: Nhận thức của người dân, của nhà trường và xã hội đối với giáo dục nghề nghiệp còn hạn chế. Công tác giáo dục hướng nghiệp trong các trường phổ thông chưa hiệu quả; nghề nghiệp đào tạo tại hệ thống trường nghề chưa đa dạng và hấp dẫn người học; hệ thống thông tin thị trường lao động còn một số hạn chế, thông tin chưa kịp thời, các doanh nghiệp khi tuyển lao động phổ thông, lao động giản đơn đều đòi hỏi phải tốt nghiệp trung học phổ thông. Phần lớn đội ngũ giáo viên làm công tác hướng nghiệp là giáo viên kiêm nhiệm nên công tác tư vấn đôi lúc chưa mang lại hiệu quả. Hướng nghiệp còn chưa thực sự được quan tâm đúng mức, sự tham gia của nhiều ngành ngành, nên thiếu thông tin toàn diện về kinh tế xã hội để HS xem xét lựa chọn. Dự báo về nhu cầu nguồn nhân lực trên thị trường lao động còn chung chung; nhiều HS và cha mẹ HS chưa xác định đúng mục đích lựa chọn nghề nghiệp, chọn nghề còn phiến diện, tâm lý chọn nghề của HS mang tính may rủi, thiếu thông tin; chọn nghề theo sự áp đặt của người lớn, theo thời thượng, chọn các nghề nổi tiếng, nghề dễ kiếm tiền,... không biết có phù hợp với năng lực, hứng thú, điều kiện bản thân hay nhu cầu việc làm sau khi ra trường. Theo: (Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng, 27/12/2021)

2.4. Nhận thức của HS THPT về nghề nghiệp

Việc lựa chọn nghề nghiệp của một người là rất quan trọng không chỉ đối với bản thân người đó mà của cả xã hội, việc định hướng cho một người lựa chọn nghề nghiệp ngay từ khi còn học tại trường phổ thông đã được rất chú trọng đặc biệt là ở trong thời kỳ hiện nay, để xác định được những yếu tố nào đã tác động đến việc lựa chọn nghề nghiệp của các em HS THPT, trước hết cần phải làm rõ nhận thức của các em về vấn đề lựa chọn nghề nghiệp và nhu cầu của các em về vấn đề để có thể phân tích rõ hơn những yếu tố tác động và làm rõ nhu cầu của các em HS THPT.

Nhóm đã đặt ra 7 lựa chọn để các em chọn những dự định mà các em muốn làm sau khi tốt nghiệp THPT, để thấy được những nhu cầu, những gì các em HS THPT mong muốn sau khi tốt nghiệp, kết quả sau nghiên cứu thu được như sau:

Biểu đồ 2. *Biểu đồ dự định của HS THPT sau khi tốt nghiệp*



[Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu đề tài, 2022]

Qua biểu đồ 2, chúng ta có thể thấy được rõ ràng những dự định mà các em HS THPT muốn làm sau khi tốt nghiệp THPT, trong 240 em HS tham gia khảo sát thì có tới 204 em HS chiếm 85,0% là chọn "*Thi tiếp vào Đại học hoặc Cao đẳng*", điều đó có thể cho thấy là các em đã có ý thức rất rõ về việc đào tạo ngành nghề cho một người nhằm cung cấp nguồn lực lao động cho xã hội, lựa chọn "*Học trung cấp chuyên nghiệp*" thì chỉ chiếm 0,4% lượt chọn. Đối với lựa chọn sau khi tốt nghiệp THPT đi "*Học nghề*" chiếm 6,3%. Lựa chọn "*Kinh doanh, buôn bán*" chiếm 2,5% em và "*Phụ giúp gia đình kiếm tiền*" chiếm 0,8%, "*Lao động phổ thông*" chiếm 0,8%. Ở phần lựa chọn mục "*Ý kiến khác*" chiếm 2,1%. Tuy nhiên, điều cần chú ý là tại thời điểm này ở mục "*Chưa có dự định gì*" cũng chiếm 2,1% số phiếu.

Bảng 4. *Thời gian đưa ra những dự định của HS THPT*

	Tần số	**Tỷ lệ (%)**
Chưa xác định rõ	9	3,8%
Từ lớp 12	12	5,0%
Từ lớp 11	56	23,3%

Từ lớp 10	113	47,1%
Trước khi học THPT	50	20,8%
Tổng	240	100%

[Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu đề tài, 2022]

Bảng 4 đã thể hiện rõ được các em đã bắt đầu có những dự định từ khi nào, qua đó 3,8% số em tham gia khảo sát là chưa xác định rõ được những dự định của các em đã có khi nào. Điều đáng mừng 20,8% học sinh đã xác định trước khi các em học THPT, việc xác định được ngành nghề phù hợp cho mình càng sớm thì việc định hướng và tập trung vào chuyên ngành của các em càng được tốt. Ngoài ra còn có 47,1% số em tham gia khảo sát đã xác định được được rất sớm từ lớp 10; các em định từ lớp 11 chiếm 23,3%; cũng có những em phải đến lớp 12 mới xác định được (5%).

Để thấy được nhận thức và thái độ của các em, nhóm đặt ra câu hỏi "*Bạn cảm thấy nghề nghiệp của bạn trong tương lai đối với bạn như thế nào*", kết quả thu được như sau:

Bảng 5. *Mức độ quan tâm của HS THPT về nghề nghiệp trong tương lai*

	Tần số	**Tỷ lệ (%)**
Chưa nghĩ tới	1	0,4%
Không quan trọng	10	4,2%
Bình thường	48	20,0%
Quan trọng	109	45,4%
Rất quan trọng	72	30,0%
Tổng	**240**	**100%**

[Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu đề tài, 2022]

Từ bảng trên, ta có thể thấy được các em chọn mức "*Quan trọng*" là nhiều nhất với 109 em, chiếm tới 45,4%; mức độ "*Rất quan trọng*" được chọn nhiều thứ hai chiếm tỷ lệ 30,0%. Điều này có thể cho thấy được các em HS THPT rất quan tâm tới nghề nghiệp của các em trong tương lai. Có 1 em (chiếm 0,4%) là chưa nghĩ tới vấn đề này và chỉ có 4,2% số học sinh cho rằng nghề nghiệp đối với các em là không quan trọng và 20,0% là cho rằng việc chọn nghề nghiệp là bình thường đối với các em. Vì thế, nhận thức của các em về tầm quan trọng của nghề nghiệp khi được khảo sát trên HS THPT là quan trọng và rất quan trọng.

2.5. Những khó khăn của HS THPT trong quá trình lựa chọn nghề nghiệp

Để thấy được mức độ khó khăn trong việc lựa chọn nghề nghiệp, nhóm đã đưa ra 5 mức để cho các em HS THPT chọn kết quả như sau:

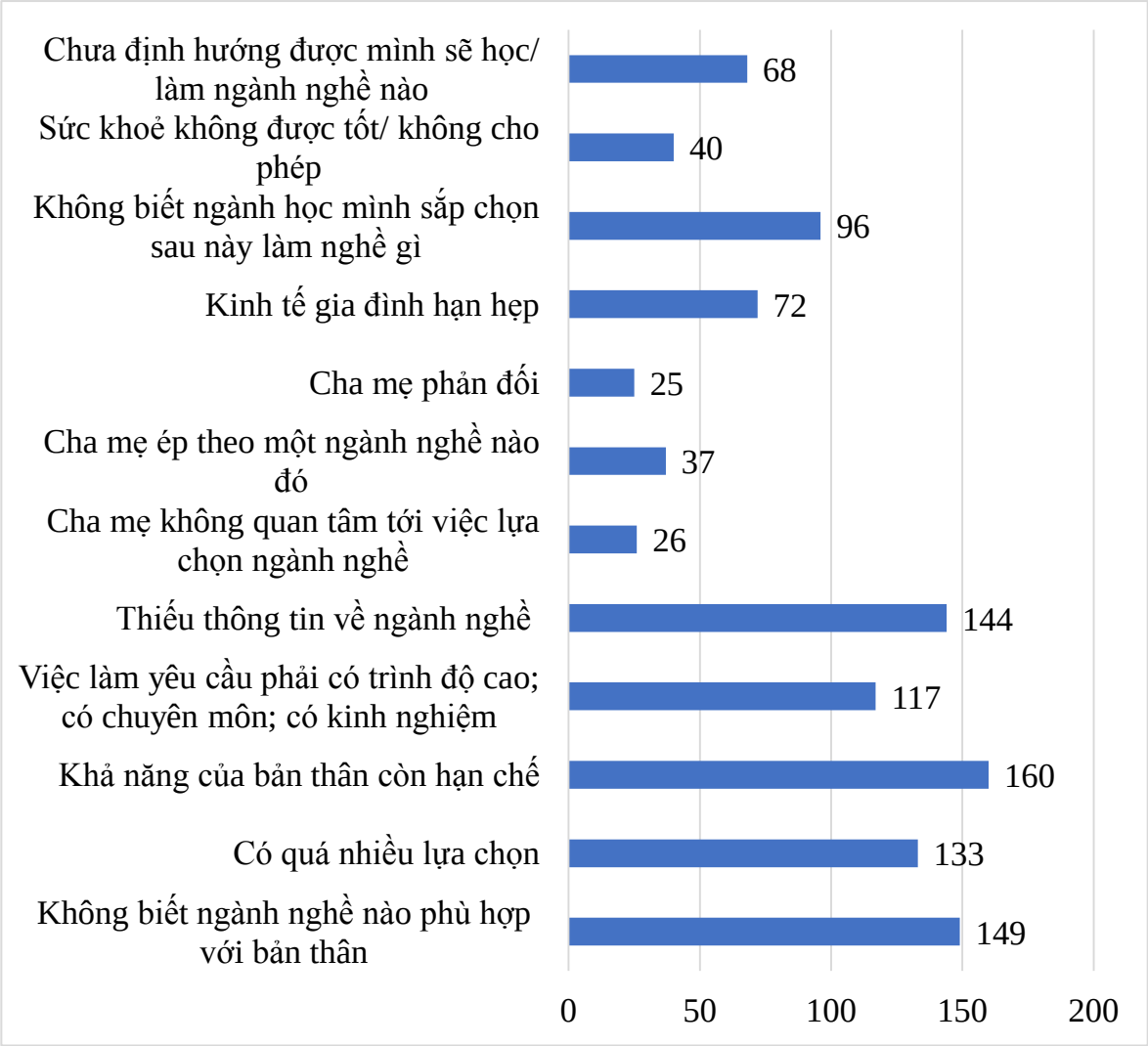
Bảng 6. *Mức độ khó khăn trong quá trình lựa chọn nghề nghiệp của HS*

	Tần số	**Tỷ lệ (%)**
Rất dễ dàng	12	5%
Dễ dàng	17	7,1%
Bình thường	48	20%
Khó khăn	104	43,3%
Rất khó khăn	59	24,6%
Tổng	**240**	**100%**

[Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu đề tài, 2022]

Bảng trên đã mô tả rất rõ ý kiến của HS THPT về mức độ khó khăn của các em trong việc lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai của các em, có tới 43,3% số HS tham gia khảo sát trong 240 mẫu khảo sát thấy việc chọn lựa nghề nghiệp khó khăn đối với mình; có 24,6% HS cảm thấy việc chọn lựa nghề nghiệp rất khó khăn, khi phỏng vấn về mức độ khó khăn thì em V.T.B (nam, lớp 11) cho rằng "*Dạ em thấy khó*" (trích Biên bản phỏng vấn số 2) còn em P.N.T (nam, lớp 12) nói rằng: "*Dạ em thấy khó tại vì nó bị phân vân*" (trích Biên bản phỏng vấn số 3) ; 20% HS cho rằng việc lựa chọn nghề nghệp là bình thường. Chỉ có 7,1% HS cho rằng việc lựa chọn nghề nghiệp là dễ dàng đối với các em, và có 5% HS chọn mức "*Rất dễ dàng*" Điều đó có thể cho thấy rõ được vấn đề lựa chọn nghề nghiệp đang là một vấn đề nan giải đối với các em.

Nhằm tìm hiểu rõ hơn và những khó khăn nào mà các em gặp phải để đưa ra được hướng giải quyết tốt nhất giúp cho các em, phần này phân tích rõ hơn những khó khăn mà HS THPT thường gặp trong quá trình các em lựa chọn nghề nghiệp, nhóm đã đưa ra một số khó khăn cơ bản mà các em thường gặp để các em lựa chọn. Khi khảo sát thì thu được kết quả như sau:



Biểu đồ 3. *Những khó khăn trong quá trình lựa chọn nghề nghiệp của HS*

[Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu đề tài, 2022]

Nhìn vào biểu đồ 3, chúng ta có thể thấy rõ được những khó khăn mà các em thường gặp phải, nhóm đưa ra nhiều khó khăn khác nhau. Theo đó, lựa chọn "*Khả năng của bản thân còn hạn chế*" là chiếm số phiếu cao nhất 160 lựa chọn, điều đó có thể cho thấy khó khăn lớn nhất mà các em cho rằng đó là năng lực của bản thân còn hạn chế khu ứng tuyển vào một trường học hoặc một công việc. "*Không biết ngành nghề nào phù hợp với bản thân*" chiếm số phiếu cao thứ 2 (149 phiếu), ta có thể thấy được việc phân định để lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với bản thân là một thử thách rất lớn đối với HS. Ngoài ra những khó khăn mà các em chọn như "*Có quá nhiều lựa chọn*", "*thiếu thông tin về ngành nghề*" có lần lượt 133 phiếu và 144 phiếu chọn, cũng có thể thấy được những khó khăn này cũng tác động rất lớn đối với các em, trong khi ngày nay việc tiếp cận thông tin rất dễ dàng và lượng thông tin cũng rất nhiều, nhưng

dường như những thông tin đó không tập trung hoàn toàn vào một nghề nghiệp, nhưng có rất nhiều thông tin khác kèm theo khiến cho các em gặp bối rối khi có quá nhiều lựa chọn. Nhiều em cũng cho rằng, khó khăn khi phải làm hay học một ngành nghề đó chính là "*Việc làm mà các em chọn yêu cầu phải có trình độ cao, phải có chuyên môn và phải có kinh nghiệm*" (117 phiếu chọn) thì mới có thể làm việc được trong lĩnh vực đó. Một trong những vấn đề cần lưu tâm là có rất nhiều em chưa chọn được cho mình một ngành nghề cho chính mình (62 lựa chọn "*Chưa định hướng được mình sẽ học/ làm ngành nghề nào*"). Và có tới 96 em trả lời "*không biết ngành học mình sắp chọn sau này làm nghề gì*", đây là một trong những nguyên nhân chính khiến cho rất nhiều người sau khi có bằng cử nhân hoặc cao học nhưng vẫn rơi vào tình trạng thất nghiệp hoặc làm nghề mà không đúng với năng lực và sở thích. Một số em thì gặp khó khăn khi *kinh tế của gia đình các em hạn hẹp* (72 em trả lời) , và một số em thì *sức khoẻ không cho phép* các em theo học/ làm ngành nghề. Tuy nhiên, một số em chọn mục "*Cha mẹ không quan tâm tới việc chọn lựa ngành nghề*", "*cha mẹ ép theo một ngành nghề nào đó*", hoặc "*cha mẹ phản đối*" ngành nghề mà con cái lựa chọn, điều đó cho thấy công tác tư tương về vấn đề HN và GDHN cũng cần phổ biến cho các bậc phu huynh để các bậc phụ huynh có thể hiểu rõ hơn.

Từ những phân tích trên, nhóm thấy được các em HS THPT gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình các em lựa chọn nghề nghiệp cho tương lai của chính các em, những khó khăn xuất phát từ chính các em và kể cả những khó khăn từ yếu tố khách quan tác động đến các em.

Tóm tắt chương 2: Công tác hướng nghiệp tại các trường THPT trên địa bàn thành phố Đà Lạt nhận được rất nhiều sự quan tâm từ các ban, ngành. Không chỉ tại Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng cũng chú trọng thực hiện công tác hướng hướng nghiệp qua nhiều chương trình, chính sách và các hoạt động khác nhau nhằm hỗ trợ tối đa cho HS THPT trong quá trình lựa chọn nghề nghiệp, tuy nhiên công tác hướng nghiệp cũng gặp rất nhiều khó khăn và hạn chế do nhiều nguyên nhân và các yếu tố khác nhau ảnh hưởng. Phần lớn dự định của các em HS THPT là tiếp tục thi ĐH, cao đẳng. Thời gian có dự định của các em HS THPT cũng rất sớm, đa số các em có dự định từ lớp 10, tuy nhiên cũng có một số em có dự định rất trễ hoặc chưa có dự định gì cho mình. Các em

đều rất quan tâm về nghề nghiệp tương lai của mình, các em có nhận thức cho rằng nghề nghiệp trong tương lai của mình rất quan trọng.

CHƯƠNG 3: CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC CHỌN NGHỀ NGHIỆP CỦA HS THPT

3.1. Phân tích và đánh giá thang đo

Trong nghiên cứu người ta thường dùng phương pháp hệ số tin cậy Cronbach's Alpha trước khi phân tích nhân tố khám phá EFA để loại các biến không phù hợp vì các biến rác này có thể tạo ra các nhân tố giả khi phân tích EFA (Nguyễn Đình Thọ & Nguyễn Thị Mai Trang, 2009).

Điều kiện khi chạy Cronbach's alpha như sau:

+ Tiêu chuẩn chọn thang đo khi có hệ số cronbach's alpha tương quan biến - tổng > 0,6 (Alpha càng lớn thì độ tin cậy nhất quán giữa các thang đo biến càng cao) (Nunally & Burnstein 1994; dẫn theo Nguyễn Đình Thọ & Nguyễn Thị Mai Trang, 2009)

+ Các biến quan sát có tương quan biến-tổng nhỏ (nhỏ hơn 0,4) được xem là biến rác thì sẽ được loại ra.

Cột hệ số tương quan biến tổng (Corrected Item-Total Correlation) cho biết item có đóng góp nhiều hay ít cho thang đo chung hay không. Item nào không đóng góp nhiều thì hệ số tương quan biến - tổng thấp, nếu < 0,4 thì sẽ bị loại ra vì có khả năng item này sẽ tạo thành những biến xấu nếu đưa vào phân tích ở các bước sau.

Khi loại các biến xấu thì hệ số alpha tổng sẽ tăng. Tại cột Cronbach's Alpha if Item Deleted thể hiện các giá trị của hệ số cronbach's alpha tổng tương ứng khi biến (Item) bị loại.

3.1.1. Hệ số tin cậy Cronbach's Alpha

Hệ số Cronbach's Alpha nhằm đánh giá và kiểm tra mức độ tin cậy của các biến quan sát trong một nhân tố, vì vậy hệ số cần phải đạt được các điều kiện sau:

- Hệ số Cronbach's Alpha: thang đo được chấp nhận khi hệ số Cronbach's Alpha đạt từ 0,6 trở lên.
- Hệ số tương quan giữa các mục hỏi và tổng điểm (Corrected Item-Total Correlation): các mục hỏi được chấp nhận khi hệ số này phải đạt từ 0,4 trở lên.

Kết quả các nhân tố sau khi được phân tích được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 7. *Kết quả phân tích Cronbach's Alpha các biến độc lập*

STT	Biến quan sát	Trung bình của thang đo nếu loại biến	Phương sai của thang đo nếu loại biến	Tương quan với biến tổng	Hệ số Cronbach's anpha nếu loại biến	Hệ số Cronbach's alpha
Nhân tố 1: Yếu tố về giới						**0.799 N = 3**
1	A1	6.67	4.607	0.552	0.834	
2	A2	5.99	4.699	0.689	0.681	
3	A3	6.15	4.630	0.706	0.664	
Nhân tố 2: Yếu tố về học lực						**0.657 N = 3**
1	B1	8.29	2.298	0.504	0.521	
2	B2	8.33	2.073	0.491	0.528	
3	B3	8.42	2.178	0.416	0.634	
Nhân tố 3: Yếu tố về sở thích						**0.827 N = 3**
1	C2	7.55	3.001	0.701	0.743	
2	C3	7.62	2.949	0.699	0.745	
3	C4	7.56	3.143	0.651	0.792	
Nhân tố 4: Yếu tố về gia đình						**0.807 N = 6**
1	D1	14.01	14.310	0.647	0.757	
2	D2	13.88	14.729	0.656	0.756	
3	D3	14.03	14.878	0.649	0.758	
4	D4	13.45	15.679	0.542	0.782	
5	D5	14.48	16.142	0.418	0.810	
6	D6	13.60	15.840	.495	.792	
Nhân tố 5: Yếu tố về Bạn bè, nhà trường.						**0.756 N = 5**
1	E2	12.20	10.523	.563	.697	
2	E3	12.57	10.372	.629	.673	

3	E4	12.85	10.627	.532	.709	
4	E5	12.66	11.330	.423	.748	
5	E6	12.35	11.533	.474	.728	
Nhân tố 6: Yếu tố về truyền thông						**0.789 N = 4**
1	L1	10.70	6.628	.539	.767	
2	L2	11.18	6.215	.599	.738	
3	L4	10.82	6.742	.634	.722	
4	L6	10.71	6.551	.627	.723	
Nhân tố 7: Yếu tố về các trường đại học						**0.788 N = 3**
1	G1	6.71	3.094	.664	.676	
2	G2	6.43	2.973	.576	.778	
3	G3	6.72	3.141	.654	.687	
Nhân tố 8: Các yếu tố khác						**0.784 N = 4**
1	K2	6.19	5.333	.510	.823	
2	K3	5.66	4.502	.663	.662	
3	K4	5.72	4.461	.705	.616	

[Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu đề tài, 2022]

Sau khi loại bỏ các biến không đạt yêu cầu (hệ số tương quan < 0,4), mô hình còn 30 biến quan sát với 8 nhân tố, kết quả đã được trình bày ở bảng trên. Kết quả phân tích Cronbach's Alpha cho thấy cả 8 nhân tố có ý nghĩa thống kê do có hệ số Cronbach's Alpha đều lớn hơn 0,6:

Nhân tố F1: Yếu tố vi mô – yếu tố về giới gồm 3 biến quan sát đều có hệ số tương quan với biến tổng lớn hơn 0,4 và hệ số Cronbach's Alpha lớn hơn 0,6 (α = 0,799):

1. A1: Ảnh hưởng của giới tính
2. A2: Ảnh hưởng của ngoại hình
3. A3: Ảnh hưởng của sức khỏe thể chất

Nhân tố F2: Yếu tố vi mô – Yếu tố về học lực có 3 biến quan sát và hệ số tương quan với biến tổng đều lớn hơn 0,4. Hệ số Cronbach's Alpha của thang đo là α = 0,657 lớn hơn 0,6:

1. B1: Ảnh hưởng của học lực
2. B2: Ảnh hưởng của Kinh nghiệm
3. B3: Ảnh hưởng của kỹ năng

Nhân tố F3: Yếu tố vi mô – Yếu tố về Sở thích có 4 biến quan sát, tuy nhiên chỉ có 3 biến quan sát có hệ số tương quan với biến tổng lớn hơn 0,4, vì vậy sau khi loại bỏ biến quan sát không đạt chuẩn trên 0,4 thì thang đo có hệ số Cronbach's Alpha α=0,827:

1. C1: Ảnh hưởng của năng khiếu (Do có hệ số tương quan với biến tổng = 0,280 < 0,4 nên bị loại)
2. C2: Ảnh hưởng của sở thích
3. C3: Ảnh hưởng của tính cách
4. C4: Ảnh hưởng của nhu cầu

Nhân tố F4: Yếu tố trung mô – Yếu tố về gia đình có 6 biến quan sát, tất cả các biến quan sát có hệ số tương quan với biến tổng đều lớn hơn 0,4. Hệ số Cronbach's Alpha của thang đo là α = 0,807 lớn hơn 0,6:

1. D1: Ảnh hưởng của trình độ học vấn cha mẹ.
2. D2: Ảnh hưởng của cha mẹ định hướng.
3. D4: Ảnh hưởng của anh chị em định hướng.
4. D3: Ảnh hưởng của nghề nghiệp cha mẹ.
5. D5: Ảnh hưởng của nghề nghiệp anh chị em.
6. D6: Ảnh hưởng của kinh tế gia đình.

Nhân tố F5: Yếu tố trung mô – Yếu tố về Bạn bè, nhà trường với 5 biến quan sát có hệ số tương quan với biến tổng lớn hơn 0,4 trong tổng số 7 biến quan sát, và hệ số Cronbach's Alpha sau khi đã được loại bỏ biến nhỏ hơn 0,4 là α=0,756:

1. E1: Ảnh hưởng của họ hàng (Do có hệ số tương quan với biến tổng = 0,065 < 0,4 nên bị loại)
2. E2: Ảnh hưởng của người thân quen

3. E3: Ảnh hưởng của nhóm bạn
4. E4: Ảnh hưởng của CLB
5. E5: Ảnh hưởng của thầy cô
6. E6: Ảnh hưởng của nhà trường
7. E7: Ảnh hưởng của hoạt động thực tế (Do có hệ số tương quan với biến tổng = 0,230 < 0,4 nên bị loại)

Nhân tố F6: Yếu tố vĩ mô – Yếu tố về truyền thông bao gồm 7 biến quan sát, tuy nhiên có 3 biến là hệ số tương quan với biến tổng nhỏ hơn 0,4 và 4 biến có hệ số tương quan với biến tổng lớn hơn 0,4 trong tổng số 7 biến quan sát, và hệ số Cronbach's Alpha sau khi đã được loại bỏ biến nhỏ hơn 0,4 là α=0,789:

1. L1: Trên Internet, website, mạng xã hội.
2. L2: Trên các quảng cáo, TV, băng rôn, tờ rơi.
3. L3: Các ca sỹ; diễn viên; nhân vật của công chúng; người nổi tiếng (Do có hệ số tương quan với biến tổng = 0,360 < 0,4 nên bị loại)
4. L4: Phim ảnh; âm nhạc; các tác phẩm nghệ thuật.
5. L5: Sách, báo, tạp chí, tác phẩm văn học. (Do có hệ số tương quan với biến tổng = 0,361 < 0,4 nên bị loại)
6. L6: Xu hướng của xã hội.
7. L7: Lời khuyên của các chuyên gia (Do có hệ số tương quan với biến tổng = 0,183 < 0,4 nên bị loại)

Nhân tố F7: Yếu tố vĩ mô – Yếu tố về các trường đại học có 3 biến quan sát và cả 3 biến quan sát đều có hệ số tương quan với biến tổng lớn hơn 0,4. Thang đo có hệ số Cronbach's Alpha α=0,788:

1. Những cán bộ/ nhân viên từ các trường đại học/ cao đẳng/ Trung cấp tư vấn.
2. Danh tiếng/ thương hiệu/ chất lượng giáo dục, đào tạo của nhà trường.
3. Có nhiều điều kiện thuận lợi để học tại trường.

Nhân tố F8: Yếu tố vĩ mô – Yếu tố khác có tổng cộng 4 biến quan sát, 1 biến có hệ số tương quan biến tổng nhỏ hơn 0,4 đã được loại và hệ số Cronbach's Alpha sau khi đã loại bỏ biến không đạt tiêu chuẩn là α=0,710:

1. Chính trị (Do có hệ số tương quan với biến tổng = 0,261 < 0,4 nên bị loại)
2. Xã hội
3. Tôn giáo
4. Quốc tế

3.1.2. Phân tích nhân tố khám phá EFA (Exploratory Factor Analysis)

EFA xem xét mối quan hệ giữa các biến ở tất cả các nhóm (các nhân tố) khác nhau nhằm phát hiện ra những biến quan sát tải lên nhiều nhân tố hoặc các biến quan sát bị phân sai nhân tố từ ban đầu.

Phương pháp phân tích nhân tố khám phá EFA (Exploratory Factor Analysis, gọi tắt là phương pháp EFA) giúp chúng ta đánh giá hai loại giá trị quan trọng của thang đo là giá trị hội tụ và giá trị phân biệt. Phương pháp phân tích nhân tố EFA thuộc nhóm phân tích đa biến phụ thuộc lẫn nhau (interdependence techniques), nghĩa là không có biến phụ thuộc và biến độc lập mà nó dựa vào mối tương quan giữa các biến với nhau (interrelationships). EFA dùng để rút gọn một tập k biến quan sát thành một tập F (F<k) các nhân tố có ý nghĩa hơn. Cơ sở của việc rút gọn này dựa vào mối quan hệ tuyến tính của các nhân tố với các biến nguyên thủy (biến quan sát).

Nói cách khác các thang đo đạt yêu cầu về độ tin cậy sẽ được sử dụng phân tích nhân tố để rút gọn một tập gồm nhiều biến quan sát thành một tập biến (gọi là nhân tố) ít hơn; các nhân tố được rút gọn này sẽ có ý nghĩa hơn nhưng vẫn chứa đựng hầu hết nội dung thông tin của tập biến quan sát ban đầu (Hair, Anderson, Tatham và Black; 1998). Phương pháp phân tích nhân tố khám phá EFA được dùng để kiểm định giá trị khái niệm của thang đo (dẫn theo Lê Ngọc Đức, 2008).

Ma trận tương quan R được hình thành từ các hệ số tương quan tương ứng với các biến, ma trận tượng quan R có kích thước k x k (với k là số biến nghiên cứu). Hệ số tương quan biến tổng phải > 0.3 thì phân tích nhân tố mới đáng tin cậy.

Điều kiện cần thỉa mãn để phân tích nhân tố khám phá là:

- Hệ số tải nhân tố (Factor loading) > 0,5.
- KMO (Kaiser-Meiser-Olkin): là chỉ số được dùng để xem xét sự thích hợp của phân tích nhân tố, 0.5 ≤KMO ≤1 thì phân tích nhân tố thích hợp với dữ liệu (Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2005).

Kiểm định Bartlett có ý nghĩa thống kê khi Sig. < 0,05: Đây là một đại lượng thống kê dùng để xem xét giả thuyết các biến không có tương quan trong tổng thể. Nếu kiểm định này có ý nghĩa thống kê (Sig. <0,05) thì các biến quan sát có tương quan với nhau trong tổng thể.

Tiêu chuẩn chọn mức giá trị hệ số tải nhân tố: cỡ mẫu ít nhất là 350 thì có thể chọn hệ số tải nhân tố lớn hơn 0,3; nếu cỡ mẫu khoảng 100 thì chọn hệ số tải nhân tố lớn hơn 0,55; nếu cỡ mẫu khoảng 50 thì hệ số tải nhân tố phải lớn hơn 0,75 (Hair, Anderson, Tatham và Black; 2008).

Để trích xuất các nhân tố thường căn cứ vào giá trị Eigenvalues. Eigenvalue là phần phương sai được tính cho mỗi nhân tố, bằng tổng bình phương của những hệ số tải nhân tố. Chỉ giữ lại nhân tố nào có eigenvalue > 1.

Ngoài ra, cũng có thể dựa vào biểu đồ Scree số liệu của các giá trị Eigenvalue hoặc dựa vào phần trăm phương sai mà các yếu tố có thể giải thích được để quyết định số lượng nhân tố được rút trích. Phần trăm phương sai toàn bộ (Percentage of variance) > 50%: Thể hiện phần trăm biến thiên của các biến quan sát. Nghĩa là xem biến thiên là 100% thì giá trị này cho biết phân tích nhân tố giải thích được bao nhiêu %.

Các tác giả Mayers, L.S., Gamst, G., Guarino A.J. (2000) đề cập rằng: Trong phân tích nhân tố, phương pháp trích Pricipal Components Analysis đi cùng với phép xoay Varimax là cách thức được sử dụng phổ biến nhất. Sử dụng phương pháp trích yếu tố là Principal components với phép quay Varimax và điểm dừng khi trích các yếu tố có Eigenvalues =1. Với các thang đo đơn hướng thì sử dụng phương pháp trích yếu tố Princial components. Tiến hành loại các biến số có trọng số nhân tố (còn gọi là hệ số tải nhân tố) nhỏ hơn 0,4 và tổng phương sai trích được bằng hoặc lớn hơn 50% (thang đo được chấp nhận) (Gerbing & Anderson, 1988; dẫn theo Nguyễn Đình Thọ & Nguyễn Thị Mai Trang, 2009).

Kết quả rút trích biến phải có hệ số tải nhân tố (của một biến bất kỳ) tối thiểu là 0,5. Theo Hair & ctg (1998, 111), Factor loading (hệ số tải nhân tố hay trọng số nhân tố) là chỉ tiêu để đảm bảo mức ý nghĩa thiết thực của EFA:

Factor loading > 0.3 được xem là đạt mức tối thiểu

Factor loading > 0.4 được xem là quan trọng

Factor loading > 0.5 được xem là có ý nghĩa thực tiễn

Mô hình nghiên cứu ban đầu có 8 nhóm định lượng với 37 yếu tố kỳ vọng ảnh hướng đến quyết định chọn trường của HS. Tuy nhiên sau khi phân tích hệ số tin cậy Cranbach's Alpha thì có 7 biến quan sát có hệ sốt tương quan biến tổng dưới 0,4, vì vậy các biến xấu đã được loại bỏ và không sử dụng trong phân tích nhân tố khám phá EFA. Tiếp đến, 30 biến quan sát trong 8 nhóm định lượng được tiếp tục phân tích với phương pháp phân tích nhân tố khám phá EFA với phép quay Varimax.

Bảng 8. *Kết quả phân tích nhân tố lần 1*

Yếu tố cần đánh giá	Giá trị chạy bảng	So sánh
Hệ số KMO	0,769	0,5 < 0,769 < 1
Giá trị Sig trong kiểm định Bartleltt's	0,000	0,000 < 0,5
Phương sai trích	64,324%	64,324% > 50%
Giá trị Eigenvalue	1,240	1,240 >1

[Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu đề tài, 2022]

Bảng 9. *Ma trận xoay nhân tố*

Rotated Component Matrix[a]								
	Component							
	1	2	3	4	5	6	7	8
D2	.748							
D3	.733							
D4	.708							
D1	.699							
D6	.680							
D5								
E3		.749						
E2		.748						
E4		.716						
E6		.666						
E5		.505						
F4			.776					
F6			.762					

F1			.722					
F2			.710					
A3				.890				
A2				.863				
A1				.677				
C2					.815			
C3					.808			
C4					.795			
G1						.831		
G3						.815		
G2						.757		
K4							.869	
K3							.851	
K2							.715	
B2								.783
B1								.773
B3								.698

[Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu đề tài, 2022]

Kết quả tại 2 bảng 8 và bảng 9 cho thấy, sau khi phân tích nhân tố thì các nhân tố gộp thành 8 nhóm. Kết quả phân tích chỉ số KMO có giá trị là 0,769 (0,5 <= KMO = 0,769 < 1), vì vậy phân tích nhân tố phù hợp với dữ liệu nghiên cứu.

Mức ý nghĩa kiểm định Bartlett có giá trị Sig = 0,000 <0,5 điều này cho thấy các biến quan sát trong tổng thể có mối liên hệ với nhau, từ đó cho thấy dữ liệu dùng để phân tích nhân tố là hoàn toàn phù hợp.

Các giá trị Eigenvalues đều lớn hơn 1 và tổng phương sai trích là 64,324% > 50%, điều đó cho biết 8 nhóm nhân tố trên giải thích được 64,324% biến thiên của các biến quan sát.

Biến D5 bị loại bỏ do không thuộc nhóm nhân tố nào.

Tiếp tục thực hiện phân tích nhân tố lần 2 (lần cuối cùng), sau khi thực hiện phân tích lần cuối, kết quả thu được như sau:

***Bảng 10**. Kết quả phân tích nhân tố lần cuối cùng*

Yếu tố cần đánh giá	Giá trị chạy bảng	So sánh
Hệ số KMO	0,762	0,5 < 0,762 < 1
Giá trị Sig trong kiểm định Bartleltt’s	0,000	0,000 < 0,5

Phương sai trích	65,363%	65,363% > 50%
Giá trị Eigenvalue	1,239	1,239 >1

[Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu đề tài, 2022]

Bảng 11. *Ma trận xoay nhân tố*

Rotated Component Matrix[a]								
	Component							
	1	2	3	4	5	6	7	8
D2	.738							
D4	.734							
D3	.721							
D6	.697							
D1	.695							
F4		.777						
F6		.765						
F1		.723						
F2		.712						
E2			.753					
E3			.749					
E4			.720					
E6			.674					
E5			.501					
A3				.892				
A2				.864				
A1				.677				
C2					.819			
C3					.813			
C4					.796			
G1						.835		
G3						.817		
G2						.766		
K4							.869	
K3							.851	
K2							.724	
B2								.781
B1								.776
B3								.698

[Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu đề tài, 2022]

Từ bảng kết quả phân tích nhân tố lần cuối cùng, ta có thể thấy sau khi phân tích nhân tố thì các nhóm nhân tố gộp thành 8 nhóm, chỉ số KMO = 0,762 (0,5 <= KMO = 0,762 <1), vì vậy phân tích nhân tố phù hợp với dữ liệu nghiên cứu.

Kết quả kiểm định Bartlett với mức ý nghĩa Sig = 0,000 <0,5 điều này cho thấy các biến quan sát trong tổng thể có mối liên hệ với nhau, từ đó cho thấy dữ liệu dùng để phân tích nhân tố là hoàn toàn phù hợp.

Các giá trị Eigenvalues đều lớn hơn 1 và tổng phương sai trích là 65,363% > 50%, điều đó cho biết 8 nhóm nhân tố trên giải thích được 65,363% biến thiên của các biến quan sát. Hệ số Fator Loading tất cả các biến đều > 0,4.

Sau đây là bản tóm tắt các lần phân tích nhân tố:

Bảng 12. *Bảng tóm tắt các hệ số khi sử dụng phân tích nhân tố*

Lần	Tổng số biến phân tích	Biến quan sát bị loại	Hệ số KMO	Giá trị Sig	Phương sai trích	Số nhân tố được phân tích
1	30	1	0,769	0,000	64,324	8
2	29	0	0,762	0,000	65,363	8

[Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu đề tài, 2022]

Sau khi thực hiện phân tích nhân tố, các biến quan sát được gom thành 8 nhóm nhân tố và được đặt tên như sau:

Bảng 13. *Bảng 8 nhân tố sau khi thực hiện phân tích EFA*

Nhân tố	Biến	Chỉ báo	Tên nhóm
GD	D2	Ảnh hưởng của cha mẹ định hướng	Gia đình
	D4	Ảnh hưởng của anh chị em định hướng	
	D3	Ảnh hưởng của nghề nghiệp cha mẹ	
	D6	Ảnh hưởng của kinh tế gia đình	
	D1	Ảnh hưởng của trình độ học vấn cha mẹ	
TT	F4	Phim ảnh, âm nhạc, các tác phẩm nghệ thuật.	Truyền thông
	F6	Xu hướng của xã hội	
	F1	Trên Internet, website, mạng xã hội.	
	F2	Trên các quảng cáo, TV, băng rôn, tờ rơi.	
NB	E2	Ảnh hưởng của người thân quen	Bạn bè, nhà trường
	E3	Ảnh hưởng của nhóm bạn	
	E4	Ảnh hưởng của CLB	

	E6	Ảnh hưởng của nhà trường	
	E5	Ảnh hưởng của thầy cô	
GI	A3	Ảnh hưởng của sức khỏe thể chất	Giới
	A2	Ảnh hưởng của ngoại hình	
	A1	Ảnh hưởng của giới tính	
ST	C2	Ảnh hưởng của sở thích	Sở thích
	C3	Ảnh hưởng của tính cách	
	C4	Ảnh hưởng của nhu cầu	
DH	G1	Những cán bộ/ nhân viên từ các trường đại học/ cao đẳng/ Trung cấp tư vấn	Đại học
	G3	Có nhiều điều kiện thuận lợi để học tại trường (vị trí địa lý, học phí, hỗ trợ, có ngành phù hợp,...)	
	G2	Danh tiếng/ thương hiệu/ chất lượng giáo dục, đào tạo của nhà trường	
KH	K4	Quốc tế	Khác
	K3	Tôn giáo	
	K2	Xã hội	
HL	B2	Ảnh hưởng của kinh nghiệm	Học lực
	B1	Ảnh hưởng của học lực	
	B3	Ảnh hưởng của kỹ năng	

[Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu đề tài, 2022]

Tóm lại: Dựa trên bảng khảo sát và mô hình lý thuyết với 37 biến quan sát được kỳ vọng có ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn nghề nghiệp của học sinh THPT. Thang đo Likert có giá trị từ 1 đến 5 được sử dụng trong nghiên cứu để đo lường về mức độ cảm nhận của đối tượng được khảo sát về các yếu tố có tác động đến quyết định lựa chọn nghề nghiệp của học sinh THPT. Kết quả từ các phân tích Cronbach's alpha và phân tích EFA sau khi các biến quan sát không đạt tiêu chuẩn được loại, các nhân tố còn lại hoàn toàn phù hợp và sẽ được sử dụng trong phân tích đa biến tiếp theo.

3.1.3. Hồi quy tuyến tính

Sau khi đánh giá mức độ tương quan giữa các nhóm nhân tố có ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn nghề nghiệp của HS, nhóm sử dụng phương pháp hồi quy tuyến tính bội với 8 nhóm nhân tố nhằm kiểm tra và đo lường và đánh giá mức độ tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn nghề nghiệp của HS THPT.

Mô hình được viết dưới dạng phương trình như sau:

QĐ=β0+β1*GD+β2*TT+β3*NB+β4*GI+β5*ST+β6*DH+β7*KH+β8*HL

Tiến hành phân tích hồi quy tuyến tính để xác định cụ thể trọng số của từng yếu tố tác động đến quyết định lựa chọn nghề nghiệp của HS THPT, kết quả thu được:

Bảng 14*. Bảng phân tích phương sai ANOVA*

ANOVA[a]						
Model		Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
1	Regression	153.411	8	19.176	65.799	.000[b]
	Residual	67.322	231	.291		
	Total	220.733	239			
a. Biến phụ thuộc: Quyết định sau khi tốt nghiệp THPT						
b. Predictors: (Constant), Khác, Truyền thông, Học lực, Giới, Đại học, Nhóm, Sở thích, Gia đình						

[Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu đề tài, 2022]

Tại bảng phân tích phương sai ANOVA cho chúng ta kết quả kiểm định F để đánh giá giả thuyết sự phù hợp của mô hình hồi quy. Kết quả ANOVA của mô mình nghiên cứu, ta có thể thấy giá trị F = 65,799 và giá trị Sig kiểm định F = 0,000 < 0,005, vì vậy mô hình hồi quy là phù hợp, có ý nghĩa thống kê. Như vậy, các biến độc lập trong mô hình nghiên cứu có quan hệ đối với biến phụ thuộc quyết định sau khi tốt nghiệp THPT.

Bảng 15. *Bảng trị số R*

Model Summary[b]				
Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate
1	.834[a]	.695	.684	.540
a. Predictors: (Constant), Khác, Truyền thông, Học lực, Giới, Đại học, Bạn bè/ nhà trường, Sở thích, Gia đình				
b. Biến phụ thuộc: Quyết định sau khi tốt nghiệp THPT				

[Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu đề tài, 2022]

Bảng Model Summary (bảng trị số R) cho chúng ta kết quả R^2 (R Square) và R^2 hiệu chỉnh (Adjusted R Square) để đánh giá mức độ phù hợp của mô hình. R có giá trị 0,834 cho thấy giữa các biến trong mô hình có mối tương quan chặt chẽ. Giá trị R hiệu chỉnh (Adjusted R Square) = 0,684 cho thấy mô hình có thể giải thích được 68,4% cho tổng thể sự thay đổi của biến phụ thuộc, có nghĩa là mô hình hồi quy tuyến tính giữa quyết định sau khi tốt nghiệp THPT của học sinh với các nhân tố Giá đình, Sở thích, Bạn bè/ nhà trường, Đại học, Giới, Học Lực, Truyền thông và các yếu tố Khác đã xây dựng phù hợp với tập dữ liệu mẫu là 68,4%.

Bảng 16. *Kết quả hồi quy đa biến*

Nhân tố	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số đã chuẩn hóa	t	Sig.	Thống kê cộng tuyến	
	B	Sai số chuẩn	Beta			Tolerance	VIF
(Constant)	-.223	.309		-.722	.471		
Giới	.032	.037	.034	.852	.395	.846	1.182
Học lực	-.005	.054	-.004	-.101	.920	.897	1.114
Sở thích	.872	.048	.757	18.170	.000	.760	1.316
Gia đình	.056	.051	.047	1.099	.273	.719	1.390
Bạn bè, nhà trường	-.007	.049	-.006	-.139	.890	.800	1.250
Truyền thông	.164	.050	.141	3.313	.001	.732	1.367
Đại học	-.061	.046	-.053	-1.345	.180	.842	1.188
Khác	.010	.036	.011	.272	.786	.885	1.130

[Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu đề tài, 2022]

Bại bảng Coefficients (bảng kết quả hồi quy đa biến) cho chúng ta kết quả kiểm định t để đánh giá giả thuyết ý nghĩa hệ số hồi quy, hệ số phóng đại phương sai VIF đánh giá đa cộng tuyến và các hệ số hồi quy, các hệ số VIF các nhân tố đều có giá trị VIF < 10 thậm chí còn < 2, chứng tỏ mô hình hồi quy không vi phạm hiện tượng đa cộng tuyến (các biến độc lập có tương quan chặt chẽ với nhau)

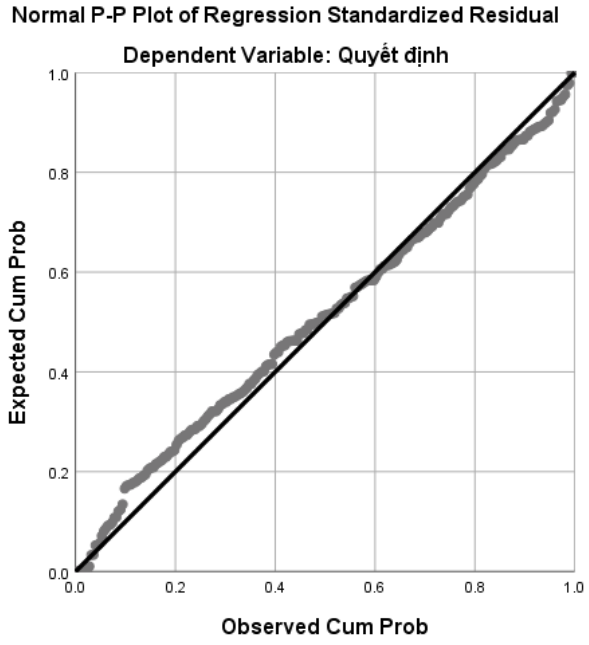
Tại bảng kết quả hồi quy ta có thể thấy các biến "Giới", "Học lực", "Gia đình", "Bạn bè, nhà trường" và "Đại học" có giá trị sig kiểm định t > 0.05, do đó các biến này không có sự tác động lên biến phụ thuộc "Quyết định sau khi tốt nghiệp THPT". Hai

biến còn lại gồm "Sở thích" và "Truyền thông" đều có sig kiểm định t < 0.05, do đó các biến đều có tác động lên biến phụ thuộc.

Từ những phân tích các hệ số hồi quy, chúng ta xây dựng được phương trình hồi quy bội như sau:

Quyết định sau khi tốt nghiệp THPT của HS = -0,223 + 0,872*ST + 0,164*TT

Từ phương trình trên, ta có thể thấy được Quyết định sau khi tốt nghiệp THPT của HS hiện nay ***chịu nhiều tác động nhất của nhân tố Sở thích*** với hệ số hồi quy là 0,872, tiếp theo là nhân tố Truyền thông với hệ số hồi quy là 0,164.

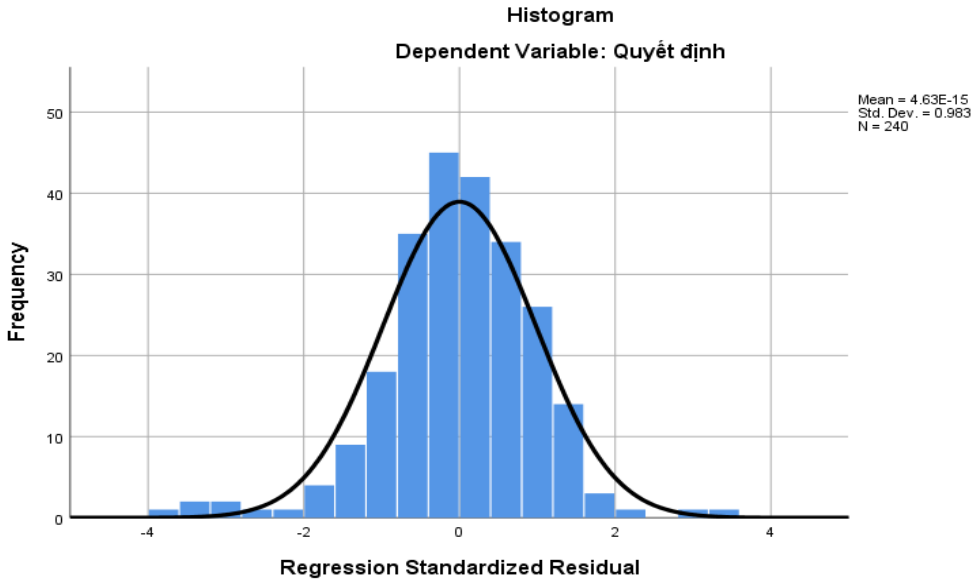


Biểu đồ 4. *Biểu đồ phần dư chuẩn hóa P-P Plot*

[Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu đề tài, 2022]

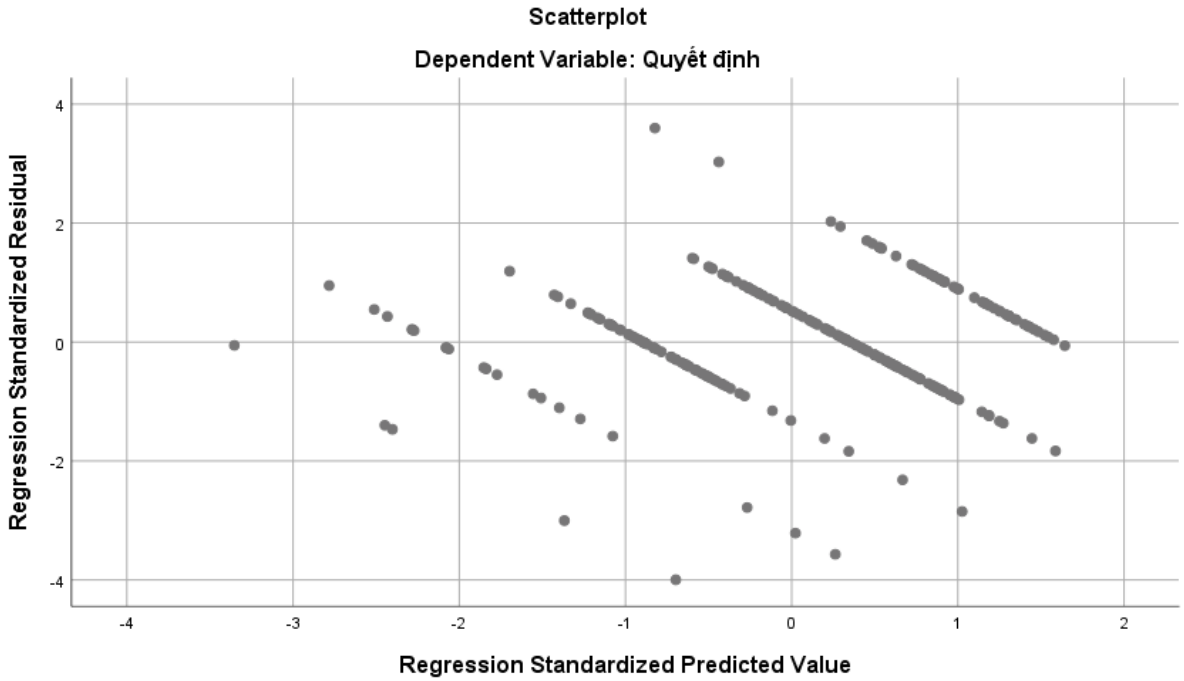
Ngoài cách kiểm tra bằng biểu đồ Histogram, thì P-P Plot cũng là một dạng biểu đồ được sử dụng phổ biến giúp nhận diện sự vi phạm giả định phần dư chuẩn hóa. Tại mô hình nghiên cứu, ta có thể thấy các điểm dữ liệu phần dư tập trung khá sát với đường chéo, như vậy, phần dư có phân phối xấp xỉ chuẩn, giả định phân phối chuẩn của phần dư không bị vi phạm.

Biểu đồ 5. *Biểu đồ tần số của phần dư chuẩn hóa*



[Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu đề tài, 2022]

Biểu đồ tần số của phần dư chuẩn hóa cho thấy phân phối của phần dư xấp xỉ chuẩn (Trung bình = 4.63E-15 gần bằng 0 và độ lệch chuẩn Std.Dev. = 0.983). Do đó có kể kết luận rằng giả định về phân phối chuẩn của phần dư không bị vi phạm.



Biểu đồ 6. *Biểu đồ phân tán phần dư và giá trị dự đoán của mô hình hồi quy*

[Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu đề tài, 2022]

Một giả định trong hồi quy là phải có mối liên hệ tuyến tính giữa biến phụ thuộc với các biến độc lập. Biểu đồ phân tán Scatter Plot giữa các phần dư chuẩn hóa và giá trị dự đoán chuẩn hóa giúp chúng ta dò tìm xem dữ liệu hiện tại có vi phạm giả định liên hệ tuyến tính hay không. Tại biểu đồ trong mô hình nghiên cứu, ta có thể thấy phần dư chuẩn hóa phân bổ tập trung xunh quanh đường tung độ 0 và có xu hướng tạo thành một đường thẳng, do vậy giả định quan hệ tuyến tính không bị vi phạm.

Sau những kết quả từ các phân tích trên, ta có thể thấy được 2 nhân tố có ý nghĩa quan trọng nhất và lớn nhất đối với quyết định lựa chọn nghề nghiệp của HS THPT đó là "Yếu tố vi mô – Yếu tố Sở thích" và "Yếu tố vĩ mô – Yếu tố Truyền thông". Trong đó yếu tố vi mô – yếu tố sở thích giữ vào trò quyết định đến việc lựa chọn nghề nghiệp của HS.

Đối với yếu tố Sở thích, trích biên bản phỏng vấn sâu, khi được hỏi vì sao các em lại có những lựa chọn theo học hoặc làm ngành nghề đó, em V.T.B (nam, lớp 11) trả lời rằng: "Là do em đam mê và em thích" (trích biên bản phỏng vấn số 2); em Y.N (nữ, lớp 11) và em P.T (nữ, lớp 12) đều trả lời "Dạ do thích" (trích biên bản phỏng vấn số 4), em N.N.M.H (nữ, lớp 11) nói rằng: "Dạ em cũng không biết nữa Em tự thích thôi!" (trích biên bản phỏng vấn số 1), từ đó có thể thấy được sức chi phối của sở thích và tính cách của các em trong quyết định lựa chọn nghề nghiệp sau khi THPT của các em là rất lớn.

Còn yếu tố Truyền thông, trích biên bản phỏng vấn sâu, ta thu được kết quả sau: Khi hỏi lý do "*vì sao em chọn nghành học đó*?" em N.G (nữ, lớp 10) nói rằng: "*Tại vì em thấy trên tivi người ta ngầu quá*" (trích bản phỏng vấn số 4). Khi đặt những câu hỏi về sự ảnh hưởng của mạng xã hội cho thấy: em N.G (nữ, lớp 10) và em P.T (nữ, lớp 12) nói rằng: "*Những cái bài viết nó thu hút chúng em và nó tác động một phần đến việc lựa chọn ngành nghề của chúng em" (trích bản phỏng vấn số 4);* em P.N.T (nam, lớp 12) trả lời rằng: *"Tik Tok và Facebook thì em cũng thấy họ hay đăng những cái ấy bài viết thật nhiều video về hướng nghiệp thì em cũng dừng lại coi phải học hỏi được từ những cái video đó"* (trích bản phỏng vấn số 3), em V.T.B (nam, lớp 11) nói rằng: "*Phương tiện truyền thông ảnh hưởng khá nhiều ạ! người ta phổ biến trên mạng sau khi ra trường có việc làm cũng không có việc làm nó cũng ảnh hưởng*

khá nhiều đến việc mà em cũng như các bạn khác chọn nghề", qua đó ta có thể thấy được những tác động không nhỏ của yếu tố Truyền thông đến các em HS THPT trong quyết định lựa chọn nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp THPT của mình.

Tóm tắt chương 3: Dựa trên mô hình nghiên cứu đã được thiết kế, có 8 nhóm nhân tố và 37 biến quan sát kỳ vọng có tác động đến quyết định chọn nghề nghiệp của HS THPT. Kết quả hồi quy cuối cùng có 2 nhóm nhân tố gồm "Yếu tố vi mô – Yếu tố về năng khiếu, sở thích" và "Yếu tố vĩ mô – Yếu tố về truyền thông" tác động mạnh nhất đến quyết định lựa chọn nghề nghiệp của HS THPT.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

4. KẾT LUẬN

Dựa trên những lý thuyết được áp dụng, nhóm đã phân tích rõ những nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn ngành nghề của học sinh trung học phổ thông. Những thành quả đạt được từ những khảo sát, những nghiên cứu giúp làm sáng tỏ hơn những yếu tố mà có thể tác động một cách trực tiếp hay gián tiếp đến quyết định lựa chọn nghề nghiệp của học sinh THPT. Kết quả thu được từ nghiên cứu về các yếu tố tác động đến việc lựa chọn nghề nghiệp của học sinh THPT có thể được tóm gọn như sau:

Các công trình nghiên cứu đi trước có liên quan tới lĩnh vực đều đều cho thấy trong quá trình lựa chọn nghề nghiệp của các em HS THPT đều bị tác động bởi rất nhiều yếu tố khác nhau cả những yếu tố khách quan lẫn chủ quan. Đề tài được xây dựng mô hình nghiên cứu dựa trên các lý thuyết chọn nghề được ứng dụng, đặc biệt là thuyết hệ thống.

Công tác hướng nghiệp hiện nay tại địa bàn thành phố Đà Lạt nói riêng và toàn tỉnh Lâm Đồng nói chung nhận được rất nhiều sự quan tâm của các ban ngành, đoàn thể. Có rất nhiều hoạt động hướng nghiệp đã và đang thực hiện, tuy nhiên công tác hướng nghiệp còn gặp rất nhiều khó khăn và hạn chế. Nhận thức và thái độ của các em học sinh THPT, các em đa phần đã ý thức hơn rất nhiều về tầm quan trọng của việc chọn nghề nghiệp cho tương lai của của mình, chính vì hiểu được tầm quan trọng của vấn đề nên các em đã phần nào chuẩn bị tâm thế cho những việc cần làm để học và làm một ngành nghề mà các em đã chọn. Trong quá trình lựa chọn nghề nghiệp, các em HS THPT thường gặp rất nhiều thách thức và khó khăn khác nhau, các em rất khó để đưa ra một quyết định chính xác vì có nhiều yếu tố cả về chủ quan lẫn khách quan ảnh hưởng đến các em. Vì vậy, cần phải có những giải pháp hữu hiệu trong công tác hướng nghiệp để hỗ trợ các em HS THPT.

Trên cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu, mô hình kỳ vọng 8 nhóm nhân tố với 37 yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn nghề nghiệp của HS THPT, kết quả phân tích Cronbach’s Alpha cho thấy cả 8 nhóm nhân tố có ý nghĩa thống kê (Có hệ số Cronbach’s Alpha lớn hơn 0,6). Phân tích nhân tố khám phá (EFA) trích thành 8 nhân tố, sau khi loại các biến có trọng số nhỏ hơn 0,5 còn lại 24 biến quan sát. Các giá trị Eigenvalues đều lớn hơn 1. Có 2 nhân tố ảnh hưởng mạnh mẽ đến quyết định chọn

nghề nghiệp của HS THPT đó là: "Sở thích" và "Truyền thông", Mô hình nghiên cứu hiệu chỉnh đã giải thích được 68,4% cho tổng thể về mối liên hệ của 2 nhóm nhân tố Sở thích và Truyền thông với biến Quyết định sau khi tốt nghiệp THPT, đồng thời khẳng định mối quan hệ đồng biến giữa 2 nhân tố này với biến phụ thuộc. Vì vậy việc đưa ra quyết định chọn một nghề nghiệp, ngành học của các em HS THPT ảnh hưởng mạnh mẽ từ tính cách của các em, sở thích của các em và năng khiếu mà các em có, không những thế, các phương tiện truyền thông đại chúng cũng góp phần ảnh hưởng rất lớn đến quyết định của các em HS THPT.

5. KIẾN NGHỊ

5.1. Đối với các em HS THPT

Các em HS THPT cần ý thức hơn về tầm quan trọng của nghề nghiệp trong tương lai của bản thân các em, ngay từ khi bắt đầu học bậc THPT các em đã cần tìm hiểu nghề nghiệp phù hợp với bản thân và hợp với nhu cầu của thị trường. HS THPT làm tìm hiểu và định hướng bản thân bằng việc tích cực tham gia các hoạt động hướng nghiệp, tham khảo các thông tin chính thống từ gia đình, các thầy cô, nhà trường, các trung tâm việc làm, trung tâm hướng nghiệp. HS cần ý thức rèn luyện bản thân trong học tập, đạo đức và các kỹ năng mềm để các em có thể đạt được những nguyện vọng như mong muốn.

5.2. Đối với những người làm công tác truyền thông hướng nghiệp

Thông qua quá trình thực hiện phỏng vấn sâu cùng với việc khảo sát trên các em học sinh, nhóm thu thập được rất nhiều dữ liệu và ý kiến khác nhau về công tác hướng nghiệp dành cho các em HS THPT về tính hiệu quả của công tác hướng nghiệp và công tác GDHN. Nhà trường, gia đình, các đơn vị liên quan (đặc biệt những người làm trong lĩnh vực truyền thông – truyền thông hướng nghiệp) cần tăng cường và đa dạng hóa hình thức hướng nghiệp cho HS THPT. Cần tập trung vào một vài kênh thông tin chính thống trong công tác hướng nghiệp, tránh tình trạng các thông tin về hướng nghiệp quá nhiều, đại trà, và chung chung. Cần rà soát và đánh giá lại hiệu quả của các kênh thông tin về hướng nghiệp cho HS THPT.

Kiểm soát chặt chẽ các nguồn tin trên mạng xã hội và các phương tiện truyền thông đại chúng về vấn đề hướng nghiệp để tránh những nguồn tin độc hại, không có ích khiến các em lựa chọn sai nghề nghiệp; hoặc có quá nhiều thông tin, không

có sự thống nhất giữa các nguồn tin sẽ khiến các nguồn tin bị xao nhãng khiến các em gặp khó khăn trong lựa chọn nghề nghiệp.

Nên có những công tác hướng nghiệp trên các phương tiện truyền thông và mạng xã hội nhằm tận dụng tối đa nguồn tài nguyên nhằm kích thích và hỗ trợ các em HS THPT lựa chọn nghề nghiệp, nên có những trang web, fanpage,…dành riêng cho công tác hướng nghiệp, đào tạo các chuyên gia riêng chuyên làm công tác hướng nghiệp cho các em HS THPT.

5.3. Đối với những cá nhân, tổ chức, đơn vị CTXH trong Học đường

Những người làm trong lĩnh vực CTXH Học đường cần hỗ trợ tối đa các em HS THPT khám phá, khai thác ra tiềm năng, sở thích, thế mạnh, năng khiếu của các em, qua đó các em có thể tự thấy được những điểm mạnh của bản thân và chính các em sẽ có trách nhiệm với bản thân, tự bồi dưỡng bản thân có sự hỗ trợ của các nguồn lực xung quanh để các em phát huy toàn bộ khả năng của mình, bên cạnh đó các em lựa chọn cho mình được nghề nghiệp đúng với khả năng và đam mê của cá nhân.

Tham vấn, tư vân các em HS khi các em gặp khó khăn trong quá trình đưa ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp. Động viên các em chia sẻ, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng để thấy được những khó khăn trong quá trình lựa chọn nghề nghiệp của các em HS. Tôn trọng và trao quyền cho các em HS, hỗ trợ khi các em đưa ra quyết định của các em. Tạo động lực và khơi dậy niềm tin của các em giúp các em vươn lên trong học tập lẫn việc chọn nghề nghiệp. Là cầu nối giữa HS – gia đình – thầy cô – nhà trường – xã hội để không chỉ một mình nhà CTXH, nhưng tất cả những người nằm trong hệ thống xung quanh các em HS THPT hiểu rõ các em hơn, chung tay trong việc hỗ trợ các em đưa ra quyết định đúng đắn và phù hợp trong quá trình các em lựa chọn nghề nghiệp và ngành học.

Tích cực vận động nguồn lực xung quanh, tìm kiếm những nguồn thông tin, nguồn lực hữu ích và phù hợp với mỗi em HS, nghiên cứu và vận động các chính sách phù hợp trong quá trình lựa chọn nghề nghiệp, hỗ trợ thông tin về tuyển dụng, tuyển sinh cho HS. Tích cực tổ chức và đa dạng hình thức những buổi tập huấn, giáo dục hướng nghiệp, đào tạo kỹ năng cứng lẫn kỹ năng mềm, liên kết với các đơn vị khác, tổ chức các buổi thực tế, tổ chức các hoạt động xã hội liên quan đến hướng nghiệp cho các em.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ánh, Đ. D. (2005). Tư vấn chọn nghề cho học sinh phổ thông. *Tạp chí Giáo dục*.

Ánh, Đ. D. (2010). *Giáo dục hướng nghiệp ở Việt Nam.* Văn Hóa Thông Tin.

Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng. (2021). *Tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Lâm Đồng ước năm 2021.* Lâm Đồng: Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng.

Dong, P. T. (1996). Đổi mới công tác hướng nghiệp phục vụ sự nghiệp CNHHĐH đất nước. *Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục*.

Dong, P. T. (2005). *Giáo dục hướng nghiệp (sách giáo viên lớp 9).* Hà Nội: Giáo dục.

GS. TS Juliane Sagebiel & ThS. Ngân Nguyễn Meyer. (2012). *Một số lý thuyết Công tác xã hội ở Việt Nam và Đức.* Hồ Chí Minh: Thanh Niên.

Hà, P. M. (2009). *Tập bài giảng Tâm lý học Hướng nghiệp* . Hà Nội: ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn.

Hải, P. H. (2020). *Bài giảng tóm tắt Phân tích số liệu thống kê.* Đà Lạt: Đại học Đà Lạt.

Hân, N. T. (2011). Thực trạng công tác tư vấn hướng nghiệp ở một số trường Trung học phổ thông tại thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học ĐH Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh*, 25.

Hoa, T. T. (2014). *Giáo dục hướng nghiệp cho học sinh Trung học phổ thông khu vực Hà Nội qua tham vấn nghề.* Hà Nội: Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.

Hoàng Phê - Trung tâm từ điển học. (2010). *Từ Điển Tiếng Việt.* Đà Nẵng: Đà Nẵng.

J.L, H. (1985). *Lựa chọn nghề nghiệp: Lý thuyết về tính cách nghề nghiệp và môi trường lao động.* Englewood Cliffs: Prentice - Hall.

J.L, H. (1993). Lý thuyết về nghề nghiệp và nghiên cứu tự định hướng. *Tạp chí Tâm lý tư vấn nghề nghiệp.* Englewood Cliffs: Prentice - Hall.

Lê Thị Mỹ Linh & Khúc Văn Quý. (2020). Các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định chọn trường đại học của học sinh THPT tại Việt Nam: Bằng chứng khảo sát năm 2020. *Trường ĐH PHENIKAA*.

Linh, N. T. (2017). Đánh giá của học sinh lớp 12 về thực trạng Giáo dục hướng nghiệp tại các trường Trung học phổ thông ở một số tỉnh miền Đông Nam Bộ. *Tạp chí Khoa học ĐH Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh*, 7.

Nghĩa, N. X. (2004). *Phương pháp và kỹ thuật trong nghiên cứu xã hội.* Tp. Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Trẻ.

Nguyễn Văn Hộ & Nguyễn Thị Thanh Huyền. (2006). *Hoạt động hướng nghiệp và giảng dạy kỹ thuật trong trường trung học phổ thông.* Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục.

Oanh, P. T. (1996). *Nghiên cứu nhận thức nghề và dự định chọn nghề của học sinh phổ thông trung học.* Hà Nội: Đại học Sư phạm Hà Nội.

Phạm Tất Dong, Phan Huy Thụ. (1989). *Hoạt động hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông* . Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục.

Quốc Hội. (27/11/2014). *Luật Giáo dục Nghề nghiệp*. Quốc Hội.

Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng. (27/12/2021). *Sơ kết 03 năm triển khai thực hiện đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông giai đoạn 2018-2020" (Đề án 522).* Lâm Đồng: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng.

Thảo, H. T. (2015). *Nhu cầu tư vấn hướng nghiệp của học sinh Trung học phổ thông trên địa bàn huyện Ba Vì - Hà Nội.* Hà Nội: Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQG Hà Nội.

Thủ tướng Chính phủ. (14/05/2018). *Quyết định số 522/ QĐ-TTg: Giáo dục hướng nghiệp cho học sinh Trung học phổ thông khu vực Hà Nội qua tham vấn nghề.* Thủ tướng Chính phủ.

Thủ tướng Chính phủ. (ngày 14 tháng 5 năm 2018). Quyết định số 522/QĐ-TTG.

Toàn, N. P. (2011). *Khảo sát các yếu tố tác động đến việc chọn trường của học sinh lớp 12 Trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.* Hồ Chí Minh: Viện Đảm bảo chất lượng Giáo dục.

Tổng Cục Thống kê. (quý 1 năm 2021). *Bản tin Cập nhật thị trường lao động Việt Nam số 29.* Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Tổng Cục Thống kê. (Quý 1, năm 2021). *Bản tin Cập nhật thị trường lao động Việt Nam - số 29.* Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Tổng Cục Thống kê. (Quý 3 năm 2020). *Bản tin cập nhật thị trường lao động Việt Nam, số 27.* Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Trần Văn Quí & Cao Hào Thi. (2009). Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học của học sinh phổ thông trung học. *Tạp chí Phát triển Khoa học & Công nghệ ĐH Bách Khoa, ĐHQG - HCM*, 15.

1. https://lamdong.gov.vn/sites/dalat/gioithieu/SitePages/gioi-thieu-chung.aspx
2. http://baolamdong.vn/xahoi/202109/giao-duc-da-lat-100-lop-tieu-hoc-day-hoc-2-buoingay-3078702/
3. http://tuvanhuongnghiep.net

PHỤ LỤC:

1. PHIẾU KHẢO SÁT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

KHOA: XHH & CTXH

PHIẾU KHẢO SÁT

CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG TỚI VIỆC CHỌN NGHỀ NGHIỆP CỦA HỌC SINH THPT

Xin chào tất cả các bạn học sinh tham gia khảo sát!

Chúng tôi là nhóm sinh viên nghiên cứu hiện đang học lớp CPK42 – sinh viên năm 4 ngành Công tác xã hội và Phát triển cộng đồng thuộc khoa Xã hội học và Công tác xã hội trường Đại học Đà Lạt. Hiện tại chúng tôi đang thực hiện nghiên cứu khoa học với đề tài: "CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG TỚI VIỆC CHỌN NGHỀ NGHIỆP CỦA HỌC SINH THPT".

Những thông tin mà các bạn cung cấp cho chúng tôi vô cùng quan trọng cho quá trình thực hiện nghiên cứu, xin các bạn dành 5 phút để hoàn thành mẫu khảo sát này. Tất cả thông tin của các bạn hoàn toàn được bảo mật và chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu.

Chúng tôi xin được bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến các bạn đã hợp tác với chúng tôi trong đề tài nghiên cứu này. Xin chân thành cảm ơn!

(Các bạn vui lòng đọc thật kỹ câu hỏi trước khi trả lời)

(Đánh dấu X hoặc dấu ✓vào ô thích hợp)

Phần I: Những thông tin chung và tình hình ĐHNN:

Câu 1: Bạn đang học tại trường:

- ☐ 1. THPT Chuyên Thăng Long.
- ☐ 2. THPT Bùi Thị Xuân.
- ☐ 3. THPT Hermann Gmeiner Đà Lạt.
- ☐ 4. THPT Trần Phú.

Câu 2: Hiện tại bạn đang học lớp?

☐ 1. Lớp 10. ☐ 2. Lớp 11. ☐ 3. Lớp 12.

Câu 3: Giới tính của bạn:

☐ 1. Nam. ☐ 2. Nữ. ☐ 3.Khác:…

Câu 4: Học lực của bạn trong năm vừa qua đạt loại?

☐ 1. Kém ☐ 2. Yếu ☐ 3. Trung bình ☐ 4. Khá ☐ 5. Giỏi

Câu 5: Bạn đã có quyết định sau khi tốt nghiệp THPT chưa?

Chưa hề nghĩ tới	Quyết định chưa chắc chắn	Phân vân	Quyết định chắc chắn	Quyết định rất chắc chắn

Câu 6: Quyết định của bạn là gì?

☐ 1. Tiếp tục thi vào đại học/ Cao đẳng.
☐ 2. Học trung cấp chuyên nghiệp.
☐ 3. Học nghề.
☐ 4. Làm lao động phổ thông/ làm công nhân kiếm tiền.
☐ 5. Kinh doanh, buôn bán.
☐ 6. Phụ giúp gia đình kiếm tiền.
☐ 7. Chưa có dự định gì.
☐ 8. Khác (*Xin ghi rõ*):……

Câu 7: Bạn đã có quyết định từ khi nào?:

☐ 1. Chưa xác định rõ. ☐ 2. Trước khi học THPT.

☐ 3. Từ lớp 10. ☐ 4. Từ lớp 11. ☐ 5. Từ lớp 12.

Câu 8: Các bạn cảm thấy việc lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai của các bạn như thế nào?

☐ 1. Rất dễ dàng.
☐ 2. Dễ dàng.
☐

3. Bình thường.
4. Khó khăn .
5. Rất khó khăn.

Câu 9: Bạn gặp những khó khăn nào trong khi lựa chọn nghề nghiệp hoặc ngành học của bạn? *(Có thể chọn nhiều đáp án)*

1. Không biết ngành nghề nào phù hợp với bản thân (*sở thích, năng lực, sức khoẻ, ...).*
2. Có quá nhiều lựa chọn.
3. Khả năng của bản thân còn hạn chế.
4. Việc làm yêu cầu phải có trình độ cao; có chuyên môn; có kinh nghiệm;…
5. Thiếu thông tin về ngành nghề *(nghề đó yêu cầu những gì, lương bao nhiêu,...).*
6. Cha mẹ không quan tâm tới việc lựa chọn ngành nghề.
7. Cha mẹ ép theo một ngành nghề nào đó.
8. Cha mẹ phản đối.
9. Kinh tế gia đình hạn hẹp.
10. Không biết ngành học mình sắp chọn sau này làm nghề gì
11. Sức khoẻ không được tốt/ không cho phép.
12. Chưa định hướng được mình sẽ học/ làm ngành nghề nào.
13. Khác *(Xin ghi rõ)*:…….

<u>Phần II: Các yếu tố tác động tới việc chọn ngành nghề:</u>

<u>A/ Yếu tố ảnh hưởng từ hệ thống vi mô:</u>

Câu 10: Theo bạn những yếu tố sau ảnh hưởng đến lựa chọn nghề nghiệp của học sinh như thế nào? (Chú ý: *5: Rất ảnh hưởng; 4: Ảnh hưởng; 3: Bình thường; 2: Ít ảnh hưởng; 1: không ảnh hưởng)*

STT	Các yếu tố ảnh hưởng	1	2	3	4	5
	Các yếu tố về giới					
A1	Giới tính.					
A2	Ngoại hình					
A3	Sức khoẻ thể chất.					

	Các yếu tố học tập					
B1	Học lực					
B2	Kinh nghiệm					
B3	Kỹ năng					
	Các yếu tố về sở thích					
C1	Năng khiếu					
C2	Sở thích					
C3	Tính cách					
C4	Nhu cầu					

B/ Yếu tố ảnh hưởng từ hệ thống trung mô:

Câu 11: Theo bạn những yếu tố sau ảnh hưởng đến lựa chọn nghề nghiệp của học sinh như thế nào? (Chú ý: *5: Rất ảnh hưởng; 4: Ảnh hưởng; 3: Bình thường; 2: Ít ảnh hưởng; 1: không ảnh hưởng)*

STT	**Các yếu tố về gia đình**	**1**	**2**	**3**	**4**	**5**
D1	Trình độ học vấn của cha mẹ.					
D2	Định hướng của cha mẹ.					
D3	Nghề nghiệp của cha mẹ.					
D4	Định hướng của anh/ chị/ em ruột.					
D5	Nghề nghiệp của anh/ chị/ em ruột.					
D6	Kinh tế của gia đình.					
D7	Họ hàng					

Câu 12: Theo bạn những yếu tố sau ảnh hưởng đến lựa chọn nghề nghiệp của học sinh như thế nào? (Chú ý: *5: Rất ảnh hưởng; 4: Ảnh hưởng; 3: Bình thường; 2: Ít ảnh hưởng; 1: không ảnh hưởng)*

STT	**Các yếu tố về bạn bè và nhà trường**	**1**	**2**	**3**	**4**	**5**
E1	Người quen biết, người thân.					
E2	Nhóm bạn.					
E3	Câu lạc bộ.					
E4	Thầy cô/ giáo viên/ nhân viên/ cán bộ tại nhà trường.					
E5	Các hoạt động hướng nghiệp của nhà trường					
E6	Các hoạt động ngoại khóa, tham quan, trải nghiệm thực					

	tế, học nghề của nhà trường					

C/ Yếu tố ảnh hưởng từ hệ thống vĩ mô:

Câu 13: Bạn hãy cho biết những nhân tố nào khác giúp/ ảnh hưởng bạn biết đến và quyết định lựa chọn ngành nghề (Chú ý: *5: Rất ảnh hưởng; 4: Ảnh hưởng; 3: Bình thường; 2: Ít ảnh hưởng; 1: không ảnh hưởng)*

STT	Những yếu tố	1	2	3	4	5
	Truyền thông					
F1	Internet quảng cáo ngành nghề đó. (Mạng xã hội Facebook; Instagram; Zalo; Tik Tok; Twitter; Weibo;…)					
F2	Trên các quảng cáo TV, băng rôn, tờ rơi, sách báo, tạp chí,… thu hút sự chú ý về một ngành nghề					
F3	Các ca sỹ; diễn viên; nhân vật của công chúng; người nổi tiếng…thu hút, hấp dẫn.					
F4	Phim ảnh; âm nhạc; các tác phẩm nghệ thuật; tranh vẽ;…tác động tới lựa chọn ngành nghề của bạn.					
F5	Truyện; Sách; Báo; Tạp chí; Các tác phẩm văn học;… tác động tới lựa chọn ngành nghề của bạn.					
F6	Xu hướng của xã hội					
F7	Lời khuyên của các chuyên gia					
	Các trường đại học/ cao đẳng					
G1	Những cán bộ/ nhân viên từ các trường đại học/ cao đẳng.					
G2	Danh tiếng/ thương hiệu/ chất lượng giáo dục, đào tạo của nhà trường					
G3	Có nhiều điều kiện thuận lợi để học tại trường (vị trí địa lý, học phí, hỗ trợ, có ngành phù hợp,...)					
	Các yếu tố khác					
K1	Tình hình chính trị của quốc gia ảnh hưởng đến quyết định của bạn.					
K2	Tình hình xã hội, các hoạt động xã hội ảnh hưởng					

	đến quyết định của bạn.					
K3	Các sinh hoạt, hoạt động của tôn giáo ảnh hưởng đến quyết đinh của bạn.					
K4	Quốc tế (Nền văn hóa, kinh tế, giáo dục của các quốc gia khác ảnh hưởng, muốn được đi du học.…)					

Các bạn có thể cho biết các yếu tố tác động đến lựa chọn của bản thân? Hoặc bạn muốn chia sẻ gì thêm về các yếu tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn nghề nghiệp của mình? (*Nếu có xin ghi rõ)*

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

--------ꕥ📖ꕥ---------

Xin chân thành cảm ơn các bạn đã hợp tác với chúng tôi! Chúc các bạn luôn thành công trong học tập và trong cuộc sống!

2. PHỎNG VẤN SÂU (PHỎNG VẤN BÁN CẤU TRÚC)

2.1 Biên bản phỏng vấn sâu số 1

Đề tài: "Các yếu tố tác động tới việc chọn nghề nghiệp của học sinh THPT"

I. THÔNG TIN CHUNG:

- Phỏng vấn viên (PVV): Mai Quang Khuê, Hà Quang Vũ.
- Học sinh trả lời phỏng vấn (HS): N.N.M.H (nữ, 16 tuổi)
  (*Họ và tên HS trả lời phỏng vấn sâu đã được mã hoá để đảm bảo tính bảo mật theo yêu cầu của người tham gia phỏng vấn*)
- Thời gian thực hiện phỏng vấn: 18h30 ngày 15/12/2021.
- Địa điểm thực hiện phỏng vấn: Online, Phường 2, T.p Đà Lạt
- Nội dung phỏng vấn: Tìm hiểu những yếu tố tác động tới việc chọn ngành nghề của học sinh trung học phổ thông.

II. Nội dung phỏng vấn:

PVV: Trước hết anh xin được giới thiệu nhóm anh đang làm một nghiên cứu khoa học về chủ đề các yếu tố tác động đến việc chọn nghề nghiệp của HS Trung học phổ thông trước khi bắt đầu nhóm anh xin phép được tham gia phỏng vấn sâu với em được không?

HS: Dạ em đồng ý ạ!

PVV: em đang học lớp mấy?

HS: Dạ em đang học lớp 11.

PVV: em đã có dự định gì sau khi tốt nghiệp Trung học Phổ thông chưa?

HS: sau khi tốt nghiệp Trung học phổ thông em sẽ không học đại học em thích học nhạc viện.

PVV: Em đã chuẩn bị việc mà em thi vào nhạc viện lâu chưa?

HS: Dạ khoảng một năm nay em đang trau dồi!

PVV: Em bắt đầu ý định ấy từ khi nào?

HS: Dạ Từ những năm em học cấp 2.

PVV: Em cảm thấy nghề nghiệp mà em sắp Chọn có quan trọng không?

HS: Dạ quan trọng chứ!

PVV: Em có nghĩ là yếu tố giới tính có ảnh hưởng gì đến việc một người chọn nghề nghiệp nào đấy không?

HS: Em nghĩ là có nhưng mà nó không quá quan trọng.

PVV: Em đã từng tham gia các buổi tập huấn các buổi thuyết trình các buổi giáo dục hướng nghiệp chưa?

HS: Dạ em tham gia rất là nhiều lần do nhà trường tổ chức.

PVV: Vậy thì em thấy nó và hữu ích với em không?

HS: Dạ không hề!

PVV: Em nghĩ rằng việc lựa chọn một nghề nghiệp Đúng với sở thích đúng với năng lực nó có khó không?

HS: Dạ em nghĩ là nó khó là khó mà không phải ai cũng tìm ra được

PVV : Em có thể cho anh biết vì sao em chọn thi vào nhạc viện không?

HS: Dạ em cũng không biết nữa Em tự thích thôi!

PVV: Em có nghĩ đến việc mà sau khi em học xong em sẽ làm một công việc cụ thể nào không?

HS: Dạ em sẽ là một Idol all.

PVV: Em nghĩ là ngành đó sau khi học thì có dễ xin việc không?

HS: Dạ em nghĩ là rất là khó nói trước.

PVV: Vậy thì gia đình em có giúp đỡ em nhiều trong ngành em chọn không?

HS: Dạ hoàn toàn không. Cả nhà em phản đối rất nhiều.

PVV: Vậy thì cho anh hỏi là trình độ học vấn của ba mẹ em như thế nào?

HS: Bố em học hết cấp ba mẹ em học hết cấp 2.

PVV: Vậy thì bố mẹ em phản ứng như thế nào khi em nói là em theo con đường nghệ thuật?

HS: Dạ không thích ngay từ đầu.

PVV: Vậy thì bố mẹ em có hướng em thêm một cái nghề gì đó không?

HS: Dạ có kiểu như là bố mẹ em muốn hướng Em đi làm công ty cho người ta làm thuê làm mướn thôi chứ không muốn em làm cái nghề nghiệp như thế này.

PVV: Vậy thì bố mẹ em có hỗ trợ em trong việc đi học nghệ thuật này không?

HS: Dạ ngày trước thì không nhưng bây giờ thì đỡ hơn, cũng không nói nhiều nhưng vẫn đóng tiền học cho em, Không hỗ trợ gì nhiều.

PVV: Em nghĩ yếu tố kinh tế gia đình có ảnh hưởng đến cái ngành mà em sắp chọn hay không?

HS: Dạ có chứ, học ngành này và gia đình khá giả thì nó sẽ theo một hướng khác mà gia đình thiếu điều kiện thì nó sẽ theo một hướng khác.

PVV: Vậy thì bạn bè hay là những người thân có giúp gì cho em trong việc em lựa chọn ngành đó không?

HS: Dạ bạn bè thì không có ai nhưng nhưng anh đi trước em sẽ giới thiệu vào bày cho em.

PVV: Vậy là những người quen giúp đỡ em rất nhiều?

HS: Dạ chỉ một số ít thôi. Vào những lúc khó khăn thì em thường hay tâm sự với

PVV: Em có tham gia một cái câu lạc bộ là một nhóm nào không?

HS: Em tham gia câu lạc bộ nhảy ở trường.

PVV: nghĩ là câu lạc bộ đó có giúp gì cho em trong việc chọn nghề nghiệp của em không?

HS: Nó sẽ là một kỹ năng cần thiết cho nghề của em và em có được những giao tiếp xã hội và cởi mở hơn.

PVV: Vậy thì ở trường có ai hướng nghiệp cho em không Ví dụ như cô giáo chủ nhiệm cô giáo bộ môn nhà trường ….?

HS: Dạ không ai ạ.

PVV: Nhà trường có hay thường xuyên tổ chức các buổi hướng nghiệp?

HS: Dạ có 1 năm khoảng 2 lần.

PVV: Đối với em thì em cảm thấy như thế nào về những buổi hướng nghiệp đấy?

HS: Dạ em cảm thấy vô nghĩa đối với em.

PVV: Những người nổi tiếng có tác động gì tới em trong việc em chọn nghề nghiệp hay không?

HS: Có tác động rất là nhiều vì họ sẽ là người truyền cảm hứng cho em, sẽ là người để em học tập cũng có thể là noi theo một số thứ.

PVV: Em nghĩ là những phương tiện truyền thông đại chúng hay là những mạng xã hội như Facebook Instagram Zalo Tik Tok ảnh hưởng đến việc chọn nghề nghiệp của em?

HS: Dạ có ạ.

PVV: Em có từng nghĩ mình sẽ đi nước ngoài để du học mà là xuất khẩu lao động?

HS: Năm lớp 6 thì em có ý định được em sẽ đi du học Nhưng đến bây giờ thì em vậy thích cái này hơn cho nên em không đi du học.

PVV: Vậy thì cho em thì các cơ sở tôn giáo có tác động đến việc chọn nghề nghiệp của em hay không?

HS: Dạ em nghĩ là có bởi vì họ sẽ tổ chức cho mình một cái sân chơi và từ đó mình tìm ra được sở thích của mình.

PVV: Những khó khăn nhất định nào gây ảnh hưởng đến tiêu chuẩn nghề nghiệp của em?

HS: Không ai tin tưởng không ai ủng hộ và các nghề nghiệp của em thì mọi người hay nghĩ nó theo một hướng tiêu cực.

PVV: Em có nghĩ việc phản đối của gia đình là một khó khăn đối với em?

HS: Dạ không em nghĩ đó là một động lực để mình có thể vượt qua. Em sẽ chứng minh cho họ thấy rằng em làm được.

PVV: Em nghĩ là mình có đủ năng lực để vô ngành này hay không?

HS: Dạ em nghĩ Hiện tại thì chưa đủ Nhưng em nghĩ là sau một thời gian cho rồi thì em có đủ khả năng .

PVV: Em đang chuẩn bị như thế nào cho cái nghề nghiệp mà em sắp chọn?

HS: Em đang học kèm luyện thanh học nhảy và em học đàn để bổ trợ cho cái đó.

PVV:Em nghĩ sau này khi mà em ra trường thì em sẽ làm vì đam mê hay làm để kiếm tiền?

HS: Dạ thì trước hết thì mình phải có đam mê Còn tiền thì mình sẽ kiếm sau tiền là cái cuối cùng em hướng đến.

PVV: Vậy thì em nghĩ nếu không có tiền thì em có còn đủ đam mê để làm hay không?

HS: Thì em muốn là cơ cố gắng cống hiến cho khán giả những điều tuyệt vời nhất và cái gì mà đến nó sẽ đến và em sẽ cố gắng hết sức.

2.2 Biên bản phỏng vấn sâu số 2

Đề tài: "Các yếu tố tác động tới việc chọn nghề nghiệp của học sinh THPT"

I. THÔNG TIN CHUNG:

- Phỏng vấn viên (PVV): Mai Quang Khuê, Hà Quang Vũ.
- Học sinh trả lời phỏng vấn (HS): V.T.B (nam, lớp 11)
  (*Họ và tên HS trả lời phỏng vấn sâu đã được mã hoá để đảm bảo tính bảo mật theo yêu cầu của người tham gia phỏng vấn*)
- Thời gian thực hiện phỏng vấn: 11h30 ngày 18/12/2021.
- Địa điểm thực hiện phỏng vấn: Online, Phường 2, T.p Đà Lạt
- Nội dung phỏng vấn: Tìm hiểu những yếu tố tác động tới việc chọn ngành nghề của học sinh trung học phổ thông.

II. Nội dung phỏng vấn:

PVV: Trước hết anh xin được giới thiệu nhóm anh đang làm một nghiên cứu khoa học về chủ đề các yếu tố tác động đến việc chọn nghề nghiệp của HS Trung học phổ thông trước khi bắt đầu nhóm anh xin phép được tham gia phỏng vấn sâu với em được không?

HS: Dạ em đồng ý ạ!

PVV: em đang học lớp mấy?

HS: Dạ em đang học lớp 11

PPV: Em đã có dự định gì sau khi tốt nghiệp Trung học phổ thông?

HS: Dạ em thi tiếp vào đại học

PVV: Dự định mà em trực tiếp vào đại học có được không?

HS: Dạ mới năm nay ạ

PVV: Em cảm thấy việc lựa chọn nghề nghiệp nó có quan trọng không?

HS: Dạ có, nó quan trọng lắm.

PVV: Em cảm thấy các buổi hướng nghiệp ngoại khóa nhà trường tổ chức như thế nào đối với việc chọn nghề của em

HS: Dạ em thấy không hữu ích lắm. Nhóm miên man và không hưởng cho mình cái gì hết

PVV: Em cảm thấy việc lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai nói như thế nào?

HS: Dạ em thấy khó

PVV: Em nghĩ học lực có ảnh hưởng đến việc chọn nghề nghiệp hay không?

HS: Dạ có chứ ạ nếu như học lực thấp thì mình sẽ không được lựa chọn một được những trường tốt ngược lại là nếu như mình học lực tốt thì mình có thể chọn được trường tốt

PVV: Theo em thì rồi tính có ảnh hưởng đến việc chọn nghề nghiệp không?

HS: Em nghĩ là không Bởi vì chọn nghề nghiệp thì nó còn phụ thuộc vào kỹ năng của mình nữa

PVV: Vậy thì theo em là tính cách của một người nó có ảnh hưởng đến việc lựa chọn nghề nghiệp không?

HS: dạ có chứ, cái này nó ảnh hưởng nhiều luôn ấy chứ

PVV:Em đã xác định chính xác trường mà mình muốn theo học chưa?

HS: Dạ rồi ạ

PVV: Ờ vậy thì em mang cho cái ngành học trước hay là cái nghề sau khi học trước?

HS: Tại em chọn cái nghề trước sau đó em mới chọn cái ngành học để làm nghề đó

PVV: Em có thể cho anh biết là tại sao em lại chọn nghề đó?

HS: Là do em đam mê và em thích

PVV: Theo em nghĩ thì cái nghề em chọn nó có phù hợp với các nhu cầu ở xã hội hay không?

HS: Dạ em nghĩ là xã hội cũng cần ạ

PVV: Em nghĩ là các ngành của em chọn nó dễ xin việc không?

HS: Dạ thì em nghĩ là các ngành của em về nhà nhà có ruộng thì em sẽ phụ giúp được nhiều cho bố mẹ

PVV: Em nghĩ thì trình độ của cha mẹ có ảnh hưởng đến việc và một người chọn cái nghề ấy không?

HS: Dạ có. Mẹ em muốn em là xuống Sài Gòn học nhưng em lại sợ là học phí cao rồi có nhiều càng phức tạp

PVV: Bố mẹ em có phản ứng Khi mà em có lựa chọn như vậy?

HS: Ba mẹ em cũng đồng ý với cái lựa chọn của em

PVV: Anh chị của em có giúp gì cho em trong việc lựa chọn nghề nghiệp?

HS: Dạ thì cũng hướng cho em theo ngành này ngành kia

PVV: Em có bị bối rối khi mà quá nhiều người định hướng cho em về nhiều nghề nghiệp khác nhau không?

HS: Dạ không ạ

PVV: Những người bạn hoặc những người bạn thân của em có tác động gì đến việc em chọn nghề nghiệp hay không?

HS: Dạ không ạ Em thích thì em chọn thôi

PVV: Có tham gia vào một nhóm Hoặc câu lạc bộ nào hay không?

HS: Không ạ

PVV: Ở trường thì có ai hướng nghiệp cho em hay không?

HS: Dạ thường là các thầy cô hoặc là những người dạy thêm

PVV: Nhà trường có những buổi hướng nghiệp cho HS hay không?

HS: Có nhưng không hữu ích ạ

PVV: Em nghĩ là phương tiện truyền thông các trang mạng xã hội như Facebook Zalo Instagram là Tik Tok là có ảnh hưởng đến việc chọn nghề của một người không?

HS: Phương tiện truyền thông ảnh hưởng khá nhiều ạ! người ta phổ biến trên mạng sau khi ra trường có việc làm cũng không có việc làm nó cũng ảnh hưởng khá nhiều đến việc mà em cũng như các bạn khác chọn nghề.

PVV: Theo em nghĩ thì các idol hay là các ca sĩ hoặc là một nhân vật nổi tiếng nào đó có ảnh hưởng đến việc chọn nghề nghiệp của các bạn mình không?

HS: Theo em nghĩ là không ạ.Nhưng đối với đối với các bạn khác thì em không biết.

PVV :Theo em thì các nền văn hóa của các nước Nó có ảnh hưởng đến em chọn?

HS: Dạ câu này em khó trả lời

PVV:Theo em nghĩ yếu tố tôn giáo và tâm linh có ảnh hưởng đến việc lựa chọn nghề nghiệp hay không?

HS: Dạ có ạ. Có những người thì họ không đi làm sau này họ đi tu chẳng hạn.

PVV: Trong quá trình em lựa chọn nghề nghiệp thì em thường gặp những khó khăn gì?

HS: Tại thấy bản thân em là trình độ quá hạn hẹp. Và ngành của em thì cần trình độ chuyên môn khá là cao

PVV: Theo em nghĩ là trình độ của bản thân có thể theo ngành đó hay không?

HS: Dạ có nhưng em sẽ cố gắng.

2.3 Biên bản phỏng vấn sâu số 3

Đề tài: "Các yếu tố tác động tới việc chọn nghề nghiệp của học sinh THPT"

III. THÔNG TIN CHUNG:

- Phỏng vấn viên (PVV): Mai Quang Khuê, Hà Quang Vũ.
- Học sinh trả lời phỏng vấn (HS): P.N.T (nam, 18 tuổi)
  (*Họ và tên HS trả lời phỏng vấn sâu đã được mã hoá để đảm bảo tính bảo mật theo yêu cầu của người tham gia phỏng vấn*)
- Thời gian thực hiện phỏng vấn: 11h30 ngày 18/12/2021.
- Địa điểm thực hiện phỏng vấn: Online, Phường 2, T.p Đà Lạt
- Nội dung phỏng vấn: Tìm hiểu những yếu tố tác động tới việc chọn ngành nghề của học sinh trung học phổ thông.

IV. Nội dung phỏng vấn

PVV: Trước hết anh xin được giới thiệu nhóm anh đang làm một nghiên cứu khoa học về chủ đề các yếu tố tác động đến việc chọn nghề nghiệp của HS Trung học phổ thông trước khi bắt đầu nhóm anh xin phép được tham gia phỏng vấn sâu với em được không?

PPV: Em có đồng ý tham gia không?

HS: Dạ em đồng ý

PVV: Hiện tại em đang học lớp mấy?

HS: Dạ em học lớp 12

PVV: Em có dự định gì sau khi tốt nghiệp Trung học phổ thông?

HS: Dạ em sẽ học đại học

PVV: Em bắt đầu dự định ấy từ khi nào?

HS: Dạ từ lớp 6

PVV: Em cảm thấy nghề nghiệp trong tương lai đối với em có quan trọng không?

HS: Dạ Có em thấy quan trọng. Nó quyết định cuộc sống tương lai của em

PVV: Em cảm thấy việc lựa chọn nghề nghiệp có khó khăn không?

HS: Dạ em thấy khó khăn Tại vì nó bị phân vân

PVV: Em nghĩ yếu tố học lực nó ảnh hưởng như thế nào đến việc lựa chọn nghề?

HS: Khá là quan trọng ạ. Nếu như học bị điểm thấp thì mình muốn vô các trường top đầu không có được.

PVV: vậy ngành Em muốn chọn là ngành gì?

HS: Dạ em chưa xác định

PVV: Em nghĩ là yếu tố sức khỏe thể chất năng khiếu nó có ảnh hưởng gì đến việc em chọn nghề nghiệp hay không?

HS: Dạ có nếu mà mình giỏi cái gì đó thì ba mẹ sẽ Hướng mình theo cái nghề đó hoặc là mình chủ động mình lựa chọn cái nghề đó

PVV: Theo em thì kinh tế của gia đình có ảnh hưởng đến việc lựa chọn nghề nghiệp hay không?

HS: Dạ có chứ Ví dụ như nếu mình muốn học ngành đó ở trong cái trường đó Nhưng học phí thì nó lại quá cao mà gia đình kinh tế lại thấp mình không thể nào theo cái gì đó được ạ

PVV: Theo em trình độ học vấn của cha mẹ có ảnh hưởng đến việc lựa chọn nghề nghiệp hay không?

HS: Dạ điều đó thì em cũng không rõ. Với gia đình em cha mẹ cho con quyền chủ động lựa chọn nghề nghiệp mà con mình yêu thích. còn gia đình khác thì em không biết

PVV: Đã từng là tham gia những buổi định hướng, ngoại khóa nghe chuyên gia về lĩnh vực định hướng nghề nghiệp hay chưa?

HS: Dạ hướng nghiệp thì ở trên trường thì có giáo viên bộ môn Giáo viên chủ nhiệm hay thầy hiệu trưởng cũng hay hướng nghiệp cho chúng em về nghề nghiệp sau này, đó là thường xuyên ạ. Lâu lâu thì sẽ mời các chuyên gia hướng nghiệp về.

PVV: Em thấy các buổi hướng nghiệp mời các chuyên gia về nó có hữu ích không?

HS: Dạ cũng tương đối là hữu ích .Ví dụ như em thì chưa biết định hướng gì cho bản thân khi đi em những chuyên gia nói thì em hiểu hơn em biết hơn và xác định nghề nghiệp cho mình, chọn nghề dễ hơn

PVV: Theo em nghĩ thì người thân bạn bè hay những người xung quanh có ảnh hưởng gì đến việc mà mình lựa chọn nghề nghiệp không?

HS: Dạ em nghĩ là không bởi vì bạn bè thì khi mà nói thì họ chưa có đủ tầm đánh giá để có thể đưa ra cho mình và khuyên mình một cái nghề nghiệp khác

PVV:Em có tham gia một câu lạc bộ hay một hội đoàn nào không ?

HS: Lúc trước thì em có tham gia nhưng bây giờ thì hết rồi

PVV: Vậy thì các hội đoàn hay câu lạc bộ có tác động gì đến việc chọn nghề hay không?

HS: Dạ không ạ. Dạo này em khá dở ở trong câu lạc bộ đó trên kiểm tra thấy tác động gì nhiều Còn em nghĩ là đối với những người giỏi thì có lẽ là họ tác động khá nhiều đến việc lựa chọn nghề nghiệp

PVV: Theo em phương tiện truyền thông hoặc là các trang mạng xã hội ví dụ như Facebook Zalo Instagram Tik Tok có ảnh hưởng đến việc lựa chọn nghề nghiệp của một người hay không?

HS: Dạ cũng có bởi vì em hãy hứa Tik Tok và Facebook thì em cũng thấy họ hay đăng những cái ấy bài viết thật nhiều video về hướng nghiệp thì em cũng dừng lại coi phải học hỏi được từ những cái video đó.

PVV: Vậy theo em nghĩ thì là các idol hoặc là một ca sỹ hoặc là một nhân vật nổi tiếng hoặc một nhân vật công chúng có tác động gì đến việc lựa chọn nghề nghiệp hay không?

HS: Em nghĩ là có chứ bởi vì có một số người họ Yêu mến Idol của họ nên là họ muốn làm những công việc để gần gũi, những công việc mà có thể gặp được idol của họ Thì họ sẽ đăng ký cái ngành đó. Nhưng em nghĩ là không nên nếu như mình giỏi thì mình mới theo còn nếu mà không thì thôi không nên.

PVV: Em nghĩ các đề văn hóa của các nước khác nhau nó có ảnh hưởng đến việc lựa chọn nghề nghiệp của một người hay không?

HS: dại em nghĩ là có một phần nào thôi ạ

PVV: Theo em nghĩ thì vấn đề tôn giáo và Tâm Linh nó có ảnh hưởng đến việc lựa chọn nghề nghiệp của một người không?

HS: Em nghĩ là có.

PVV: Có nghĩa là một người hay đi sinh hoạt các cơ sở tôn giáo thì nó có ảnh hưởng như thế nào đến việc lựa chọn của người đó hay không?

HS: em nghĩ là có bởi vì một khi đi sinh hoạt các cơ sở tôn giáo thì họ sẽ chịu ảnh hưởng của một số những cái tinh thần giúp đỡ người khác thì nó sẽ ảnh hưởng đến việc lựa chọn của người đó.

PVV: Em có gặp khó khăn nào không khi bạn lựa chọn nghề nghiệp?

HS: Dạ thứ nhất thì là em thấy khó khăn ở cái là cái khả năng của mình không biết là mình có học được ở trong cái cảnh đó hay không. Thứ hai là điều kiện gia đình. Thứ

ba là xu hướng công việc hiện nay và yếu tố lương Ảnh hưởng đến em trong việc lựa chọn nghề nghiệp bởi vì không tin lại em làm công việc đó nó có đủ để cho cuộc sống hay không, Có đủ chi tiêu cho gia đình không

PVV: Em còn khó khăn nào không?

HS: Dạ về kinh tế gia đình thì nếu mà một trường nào mà có học phí cao quá thì em sợ em không vô được.

2.4 Biên bản phỏng vấn sâu số 4

Đề tài: "Các yếu tố tác động tới việc chọn nghề nghiệp của học sinh THPT"

V. THÔNG TIN CHUNG:

- Phỏng vấn viên (PVV): Mai Quang Khuê, Hà Quang Vũ.
- Học sinh trả lời phỏng vấn (HS): HS1 - N.G (nữ, lớp 10); HS2 - Y.N (nữ, lớp 11); HS3 - P.T(nữ, lớp 12)
  (*Họ và tên HS trả lời phỏng vấn sâu đã được mã hoá để đảm bảo tính bảo mật theo yêu cầu của người tham gia phỏng vấn*)
- Thời gian thực hiện phỏng vấn: 11h30 ngày 22/12/2021.
- Địa điểm thực hiện phỏng vấn: Online
- Nội dung phỏng vấn: Tìm hiểu những yếu tố tác động tới việc chọn ngành nghề của học sinh trung học phổ thông.

VI. Nội dung phỏng vấn:

PVV: Trước hết anh xin được giới thiệu nhóm anh đang làm một nghiên cứu khoa học về chủ đề các yếu tố tác động đến việc chọn nghề nghiệp của HS Trung học phổ thông trước khi bắt đầu nhóm anh xin phép được tham gia phỏng vấn sâu với em được không?

PVV: Em có đồng ý tham gia không?

HS: Dạ có

PVV: Em đang học lớp mấy?

HS3: Dạ lớp 12 ạ!

HS1: Dạ em lớp 10

HS2: Còn em học lớp 11 ạ!

PVV: Em có dự định gì chưa sau khi thi trung học phổ thông?

HS: Dạ học đại học ạ!

PVV: Các em có dự định học đại học từ khi nào?

HS1:Dạ từ cấp 2

HS2: Dạ từ lớp 10

HS3:Dạ từ lớp 10

PVV: Em cảm thấy việc lựa chọn nghề nghiệp cơ quan trọng không?

HS123: Dạ có

PVV: Đối với các em nghề nghiệp trong tương lai nó như thế nào?

HS123: Dạ em thấy nó quan trọng

PVV: Theo các em thì yếu tố học lực đó có tác động đến việc một người chọn thành nghề hay không ?

HS1: Dạ có

HS2: Muốn có một trường đại học tốt thì điều đầu tiên phải có học lực tốt chứ

HS3: Dạ nó tác động lớn

PVV: Theo các em thì yếu tố giới tính tác động như thế nào đến việc chọn nghề nghiệp?

HS3: Ảnh hưởng đến việc lựa chọn trường quân đội của em trước đó

PVV: Các em đã từng đi một buổi hướng nghiệp là ngoại khóa về định hướng nghề nghiệp trong tương lai bao giờ chưa?

HS123: Dạ rồi ạ

PVV: Cảm thấy nó như thế nào?

HS1:Không tác động đến em lắm

HS2: tại vì em có định hướng rồi cho nên nó cũng không tác động cho em nhiều lắm

HS3: Nó cũng không tác động đến việc lựa chọn của em

PVV: Các em có nghĩ là là trình độ học vấn của cha mẹ có ảnh hưởng đến đến việc lựa chọn nghề nghiệp của con cái hay không?

HS3: Dạ có. Hầu như bố mẹ theo nghề gì thì con theo nghề đấy

PVV: Các em thì yếu tố kinh tế có tác động đến việc lựa chọn nghề nghiệp hay không?

HS123: Dạ rất là tác động luôn ạ

PVV: lý do mà các em chọn ngành học sắp tới là gì?

HS1: Tại vì em thấy trên tivi người ta ngầu quá

HS23: Dạ do thích

PVV:Bố mẹ các em có phản ứng như thế nào khi mà các em chọn những ngành đó?

HS123: Dạ đều được ủng hộ

PVV: những người bạn hoặc những người bạn thân có tác động gì đến việc yêu lựa chọn nghề nghiệp hay không?

HS123: Ba bọn em định hướng cho nhau

PVV: Các em có tham gia nhóm hoặc câu lạc bộ nào không?

HS123: Thời điểm bây giờ thì không

PVV: Trường thì ai là người định hướng cho các em về việc lựa chọn nghề nghiệp?

HS23: Dạ Có cô chủ nhiệm hoặc là trường lâu lâu cũng tổ chức một buổi hướng nghiệp

PVV: Theo các em thì các bài báo bài viết về nghề nghiệp sau này có ảnh hưởng gì đến việc lựa chọn nghề nghiệp của các em không?

HS13: Có những bài viết nó viết về tỷ lệ người có việc làm hoặc là công việc ổn định nó có tác động đến việc lựa chọn nghề nghiệp của chúng em

PVV: Vậy thì theo các em thì các phương tiện truyền thông hoặc là các trang mạng xã hội như Facebook Instagram Zalo Tik Tok nó có ảnh hưởng đến việc lựa chọn của các em không?

HS13: Những cái bài viết nó thu hút chúng em và nó tác động một phần đến việc lựa chọn nghề nghiệp của chúng em

PVV: Các tác động như sản phẩm âm nhạc phim ảnh Hàn Quốc nó đến việc lựa chọn nghề nghiệp?

HS1: Dạ có chứ nó khiến em muốn làm ca sĩ

PVV: Nền văn hóa có ảnh hưởng đến việc lựa chọn nghề nghiệp hay không?

HS3: Nó tác động rất là nhiều bởi vì những cái bạn mà làm bên nghệ thuật thì học ngôn ngữ Tiếng này tiếng kia để có thể phù hợp với các ngành mà mình chọn

PVV: Các em thì các idol ca sĩ nhân vật công chúng thì có ảnh hưởng gì đến việc lựa chọn nghề của các em hay không?

HS2: Dạ có tác động nhiều chứ. Ví dụ như mình thích một người nổi tiếng thì mình sẽ mong muốn trở thành quản lý để có thể Tiếp xúc được người nghệ sĩ của mình, Người mình thích nên em nghĩ nó tác động rất là nhiều.

PVV: theo các em thì idol có là lý do để một người chọn nghề hay không?

HS2: Dạ có chứ Tại vì những anh chị mà học ngôn ngữ Hàn em hỏi thì lý do chỉ là vì idol

PVV: Các em thì yếu tố tâm linh và tôn giáo có ảnh hưởng đến việc lựa chọn nghề nghiệp của các em hay không?

HS1: Dạ có ạ

PVV: Theo các em thì hàng xóm có là yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn nghề nghiệp?

HS3: Dạ mấy cô hàng xóm thì ảnh hưởng gián tiếp đến chúng em. các cô thường nói với bố mẹ và bố mẹ sẽ trường định hướng lại cho chúng em. Ví dụ như các cô hàng xóm thường kể với mẹ em là con của cô làm công việc này thu nhập thì cũng cao, ổn định thì ba mẹ em lại về nó cho các chúng em là là mày làm việc đó đi Tao thấy con bà A bà B kiếm được nhiều tiền lắm.

PVV: Những khó khăn mà các em gặp phải khi lựa chọn nghề nghiệp là gì?

HS3: Chủ yếu là điểm đầu vào rồi Trình độ kinh tế, tỉ lệ có việc làm sau khi ra trường, Em con gái thì thường là ngại đi xa muốn ở bên gia đình ở gần gia đình và em thì sợ bị cắm sừng.